

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Phạm Thị Thùy Dung**

Giảng viên hướng dẫn: **Th.s Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Phạm Thị Thùy Dung**

Giảng viên hướng dẫn: **Th.s Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên : Phạm Thị Thùy Dung

Mã SV: 110348

Lớp : QT 1104K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại Quang Linh.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại Quang Linh, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 201*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(họ tên và chữ ký)*

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế phát triển kinh tế toàn cầu như hiện nay, bên cạnh cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp còn phải đối mặt với các thách thức to lớn của nền kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, các doanh nghiệp cần nỗ lực không ngừng chiếm lĩnh, khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường. Để làm được điều đó thì doanh nghiệp phải làm tốt các khâu từ sản xuất tới lưu thông tiêu thụ sản phẩm, trong đó phải kể đến công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Đó là căn cứ quan trọng giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định, chính sách, biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với mỗi doanh nghiệp nên trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh nhờ sự chỉ bảo tận tình của giảng viên – Th.s Trần thị Thanh Phương và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã mạnh dạn tìm hiểu đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh**”. Khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh .

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**❖ Đối với doanh nghiệp:**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- Có cơ sở để đưa ra các quyết định phân phối kết quả kinh doanh.
- Kết hợp với các thông tin khác để đưa ra các chiến lược, giải pháp sản xuất

kinh doanh đạt hiệu quả cao.

**❖ Đối với Nhà nước:**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của từng doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Xác định số thuế phải thu, đảm bảo nguồn Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

- Dựa vào tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, Nhà nước sẽ có cơ sở để đưa ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách thuế, chính sách tiền tệ, các khoản trợ giá, trợ cấp...

- Đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước mà còn xác định được nguồn vốn đầu tư của Nhà nước có bị thất thoát không, có lãi hay bị lỗ.



❖ **Đối với nhà đầu tư:** Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư hiệu quả.

❖ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, khả năng thanh toán, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

❖ **Đối với các tổ chức tín dụng:** Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho doanh nghiệp vay vốn đầu tư.

### 1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

❖ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:**

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Phải mở sổ chi tiết từng khoản doanh thu theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng, giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa

- Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

❖ **Nhiệm vụ của kế toán chi phí:**

- Vận dụng các phương pháp tính giá vốn hàng bán, giá thành sản phẩm, khấu hao phù hợp với quy trình, đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp.

- Ghi chép đầy đủ, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

❖ **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra các quyết định của nhà quản trị.

- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

### 1.3. NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

###### ❖ Khái niệm:

- *Doanh thu* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Có 2 loại doanh thu là: doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

+*Doanh thu bán hàng*: phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

+*Doanh thu cung cấp dịch vụ*: phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

###### ❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu:

###### *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 chỉ tiêu sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp sẽ thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

###### *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đó hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với trường hợp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Đối với trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

### ❖ Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức được coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng ấy.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Là phương thức mà bên bán chuyển giao cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số lượng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Là phương thức mà khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- *Phương thức hàng đổi lấy hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp của mình đem sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng 1 tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp....

### ❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo có.
- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ có liên quan

### ❖ Tài khoản sử dụng

#### ✓ *Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

*Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:*

#### Bên Nợ :

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định trong kỳ kế toán.

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ*

TK 511 có 5 tài khoản cấp 2:

TK 5111- doanh thu bán hàng hóa

TK 5112- doanh thu bán các thành phẩm

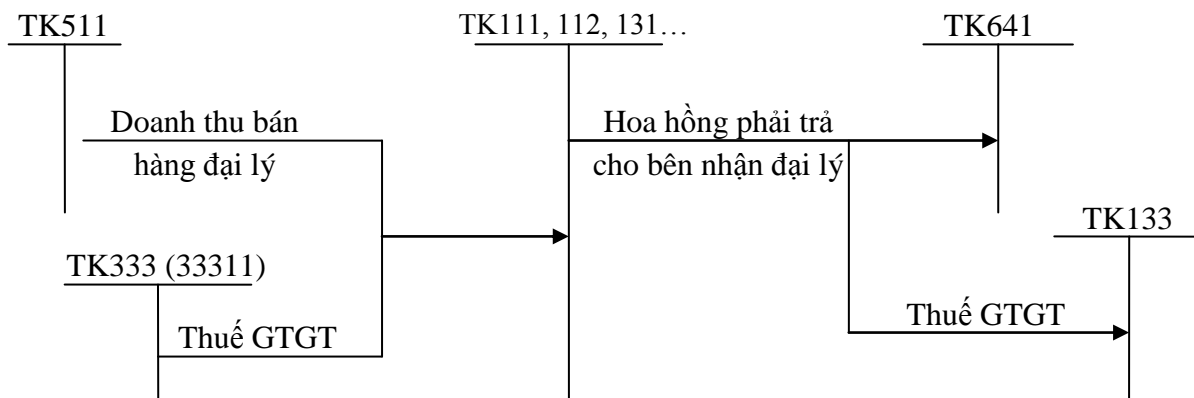
TK 5113- doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114- doanh thu trợ cấp, trợ giá

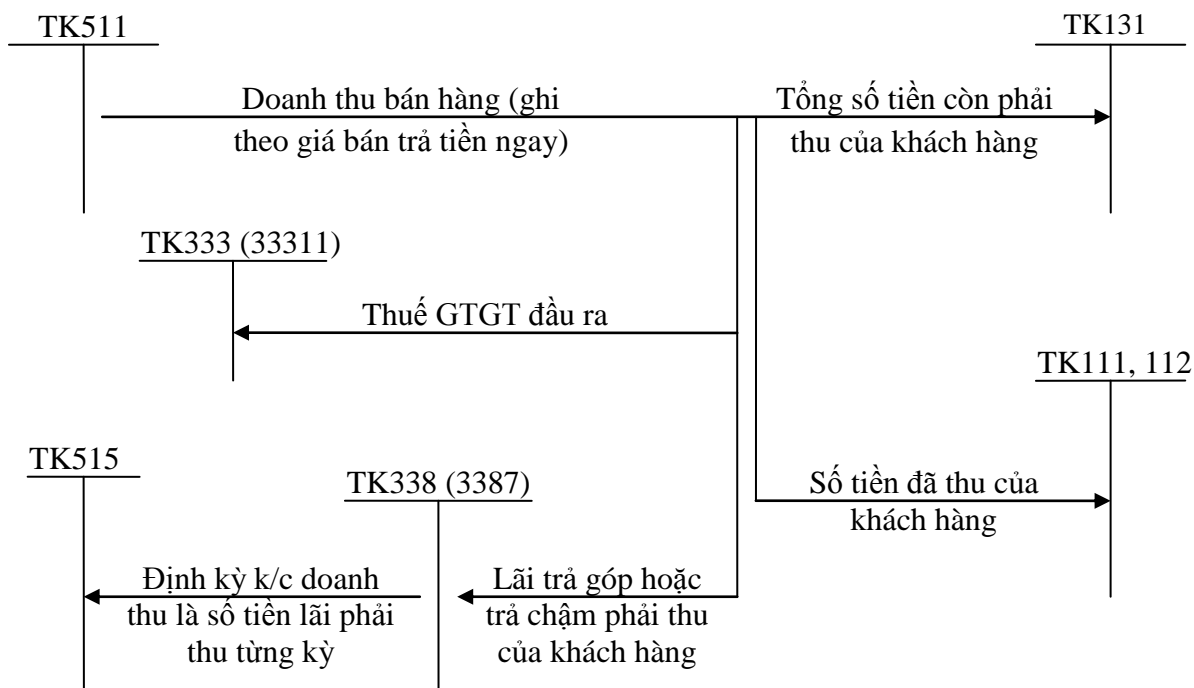
TK 5117- doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư



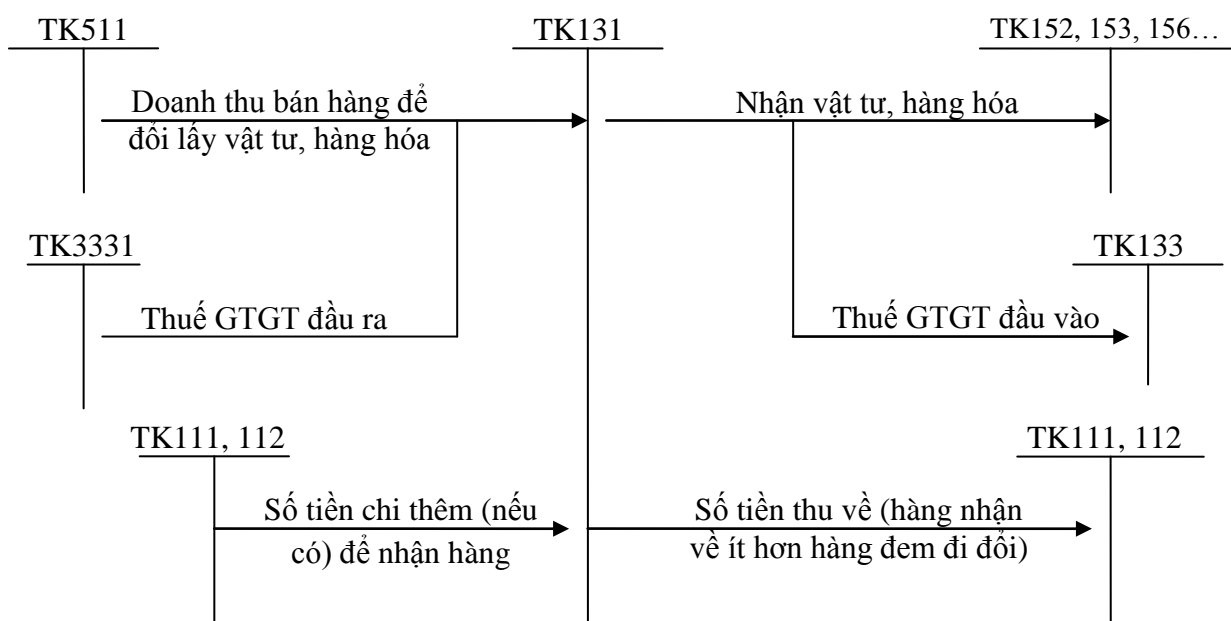
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



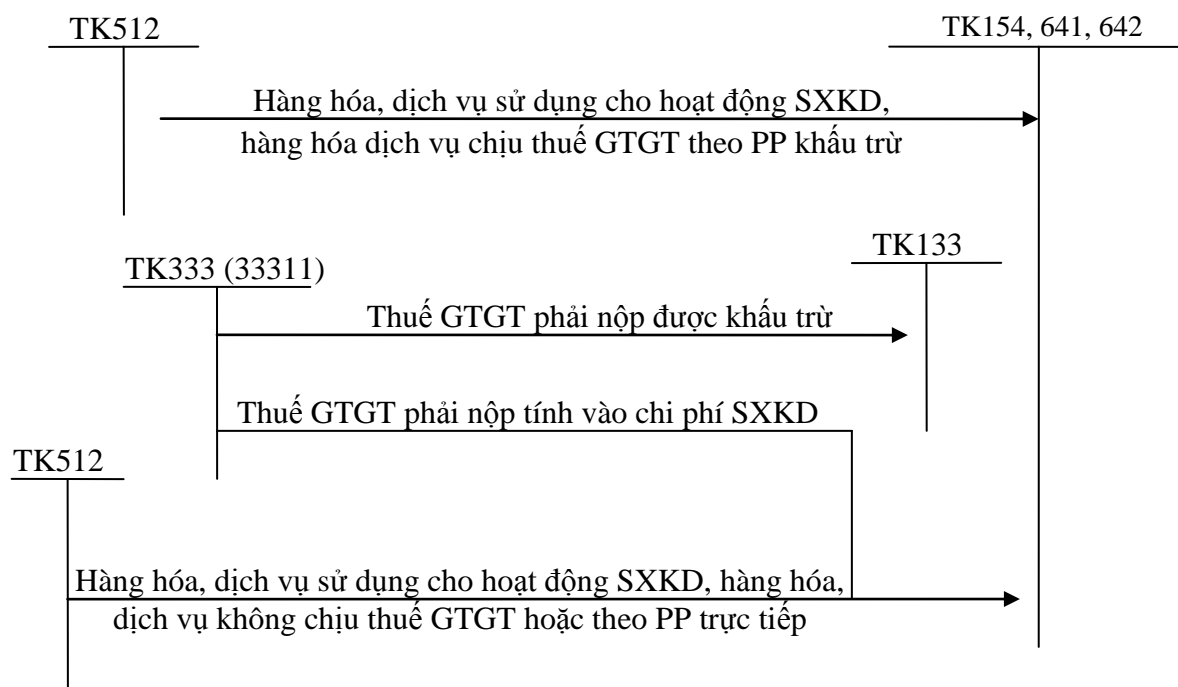
**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**



**Sơ đồ 1.4 Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ**





### 1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

+*Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

+*Hàng bán bị trả lại*: là khối lượng hàng hóa đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

+*Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém chất lượng, sai quy cách, lỗi thời, lạc hậu.

#### ❖ Tài khoản sử dụng

##### ✓ *Tài khoản 521 : Chiết khấu thương mại*

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

*Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521- Chiết khấu thương mại*

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511-“Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

*Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ*

TK 521- Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211- Chiết khấu hàng hóa

TK 5212- Chiết khấu thành phẩm

TK 5213- Chiết khấu dịch vụ

##### ✓ *TK 531- Hàng bán bị trả lại*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ kế toán.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Tài khoản này phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641- Chi phí bán hàng.

*Kết cấu của tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.*

### Bên nợ:

Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra, dịch vụ đã tiêu thụ.

### Bên có:

Kết chuyển trị giá của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ*

### ✓ **TK 532- Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hóa đơn (Giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

*Kết cấu của TK 532- Giảm giá hàng bán*

### Bên nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.

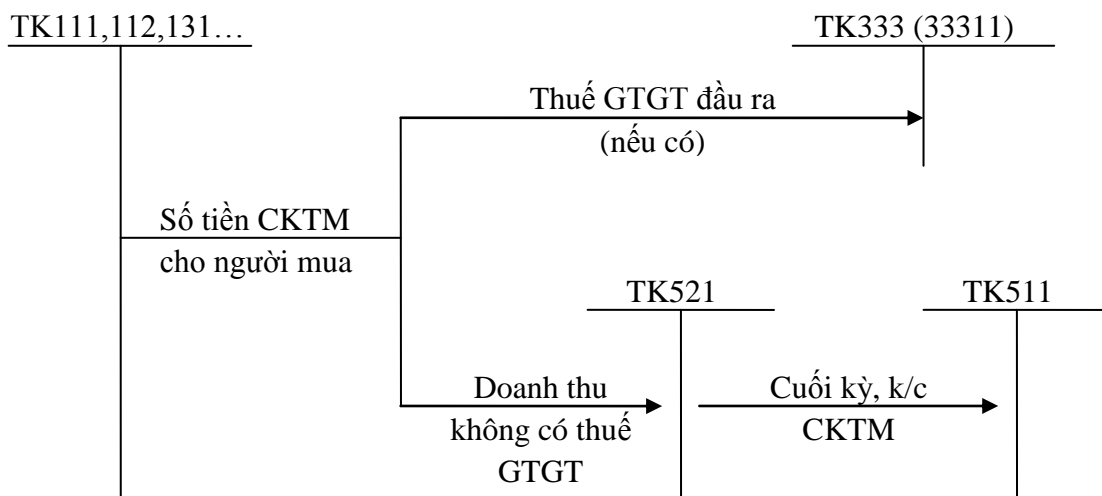
### Bên có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK512- Doanh thu nội bộ.

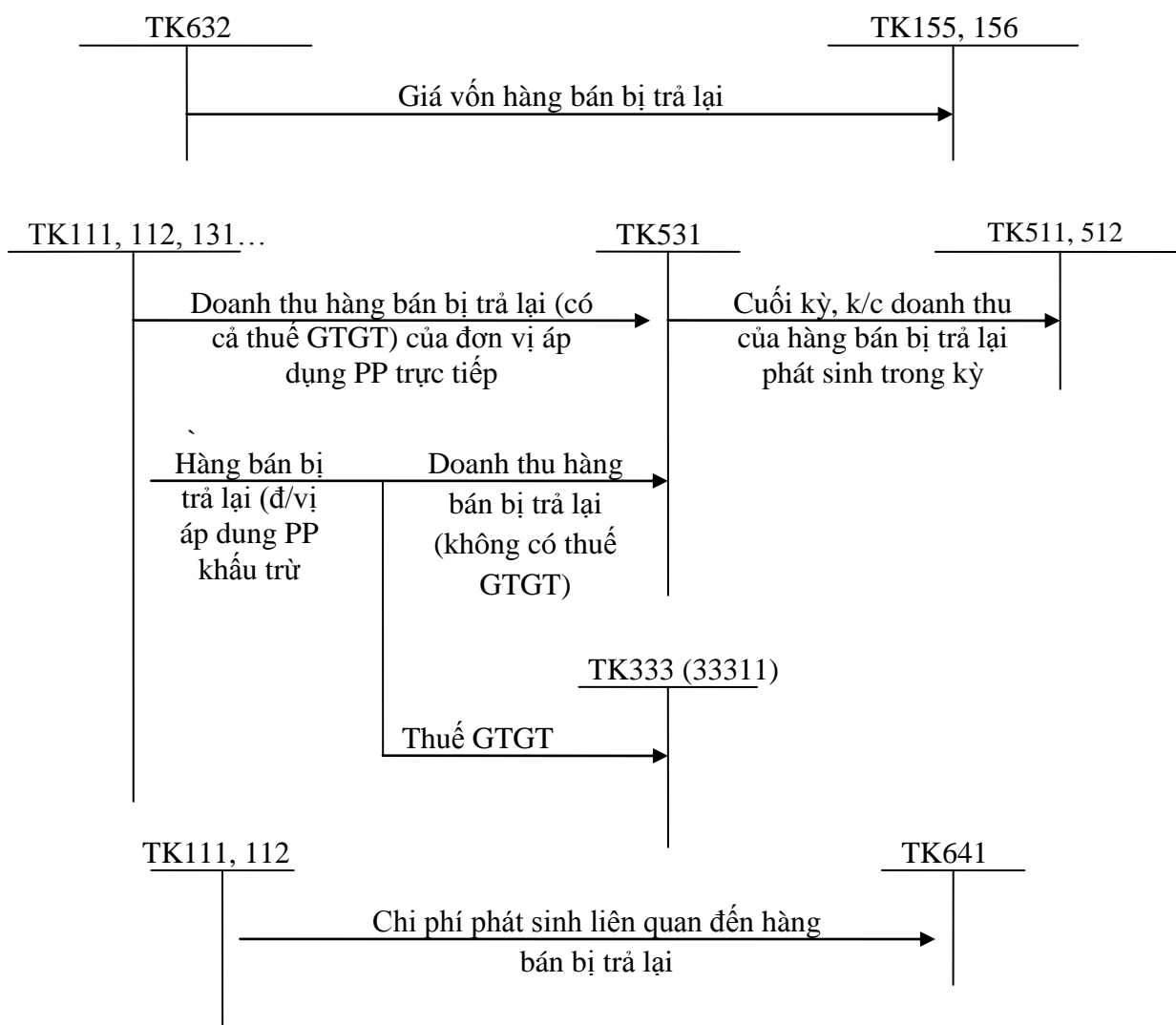
*Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ*

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

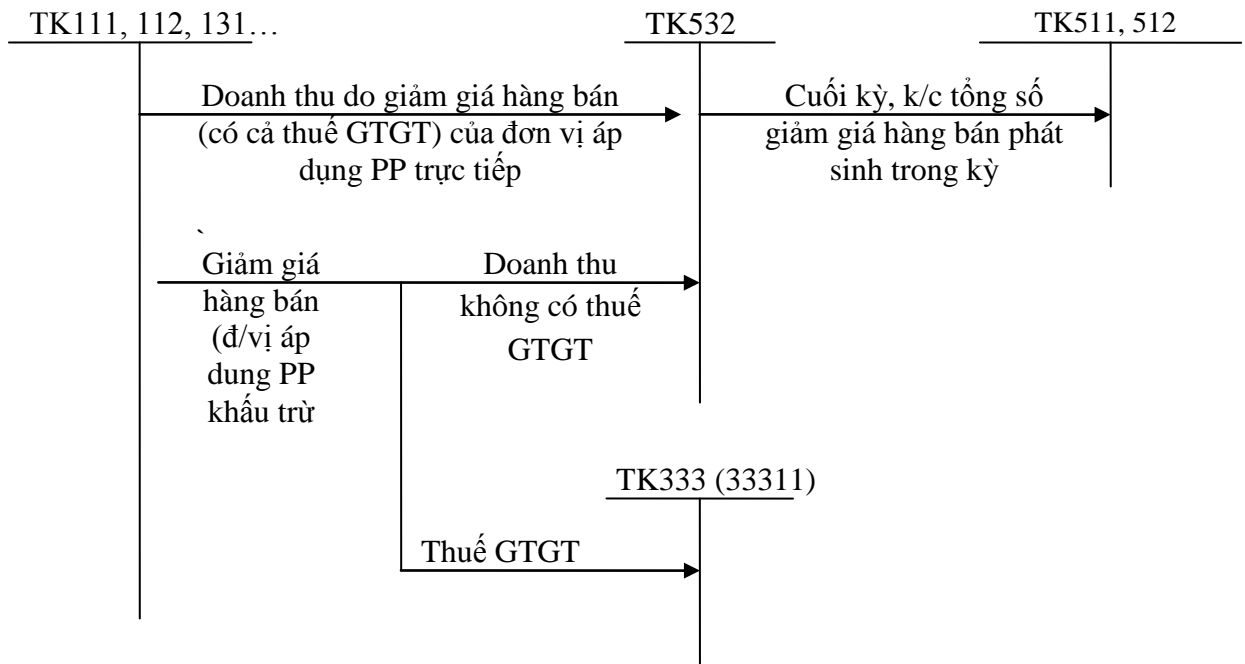
**Sơ đồ 1.6: Kế toán chiết khấu thương mại**



**Sơ đồ 1.7 Kế toán hàng bán bị trả lại**



## Sơ đồ 1.8 Kế toán giảm giá hàng bán



### 1.3.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán

#### ❖ *Khái niệm:*

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### ❖ *Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán*

##### ➤ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

Theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### ➤ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất sau thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó.

Theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

### ➤ Phương pháp giá thực tế đích danh

Được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng, ổn định và nhận diện được.

### ➤ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng hóa xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho = Số lượng hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân

#### • *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:*

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ =  $\frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$

#### • *Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:*

Đơn giá bình quân sau lần nhập i =  $\frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập i}}$

### ❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan

### ❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

TK 632- Giá vốn bán hàng

### ❖ *Kết cấu và nội dung phản ánh của TK632*

#### ➤ **Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**

##### **Bên nợ:**

- *Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:*

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường trách nhiệm do cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- *Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:*

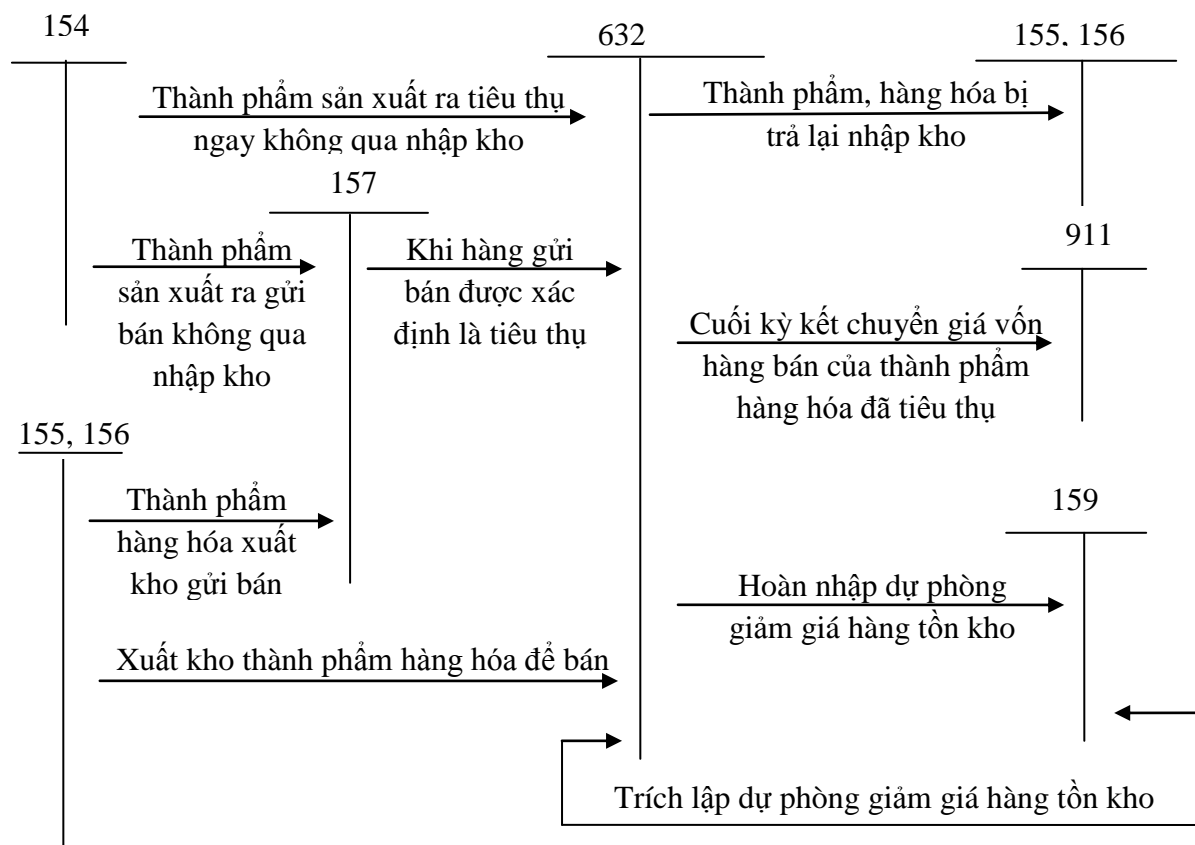
- + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.
- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ.
- + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

##### **Bên có:**

- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.9: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



➤ **Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

- *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại*

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.
  - *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ*

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

### **Bên có:**

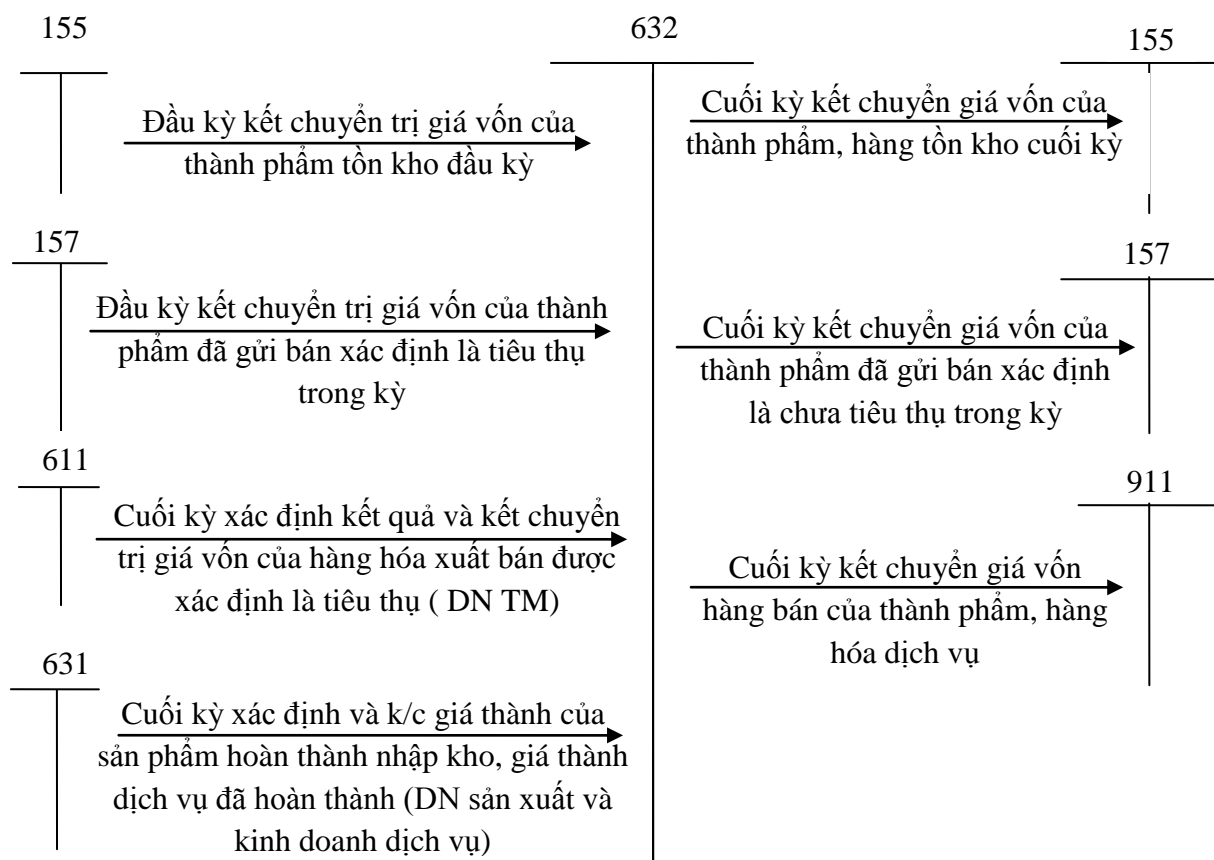
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK155 – Thành phẩm.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ*

### **Sơ đồ 1.10 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**





### 1.3.1.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### ❖ *Khái niệm:*

- *Chi phí bán hàng:* là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp các dịch vụ, bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, vận chuyển,...

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

#### ❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ
- + Chứng từ kế toán liên quan

#### ❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

##### ✓ **TK 641- Chi phí bán hàng**

*Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641- Chi phí bán hàng*

Bên nợ:

Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, DV.

Bên có:

Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

*Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ*

TK 641- Chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411- Chi phí nhân viên

- TK 6412- Chi phí vật liệu bao bì
- TK 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415- Chi phí bảo hành
- TK 6417- Chi phí dịch vụ bên ngoài
- TK 6418- Chi phí bằng tiền mặt khác

✓ ***TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp***

*Kết cấu của TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Bên nợ:

Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh.

Bên có:

Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và số chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

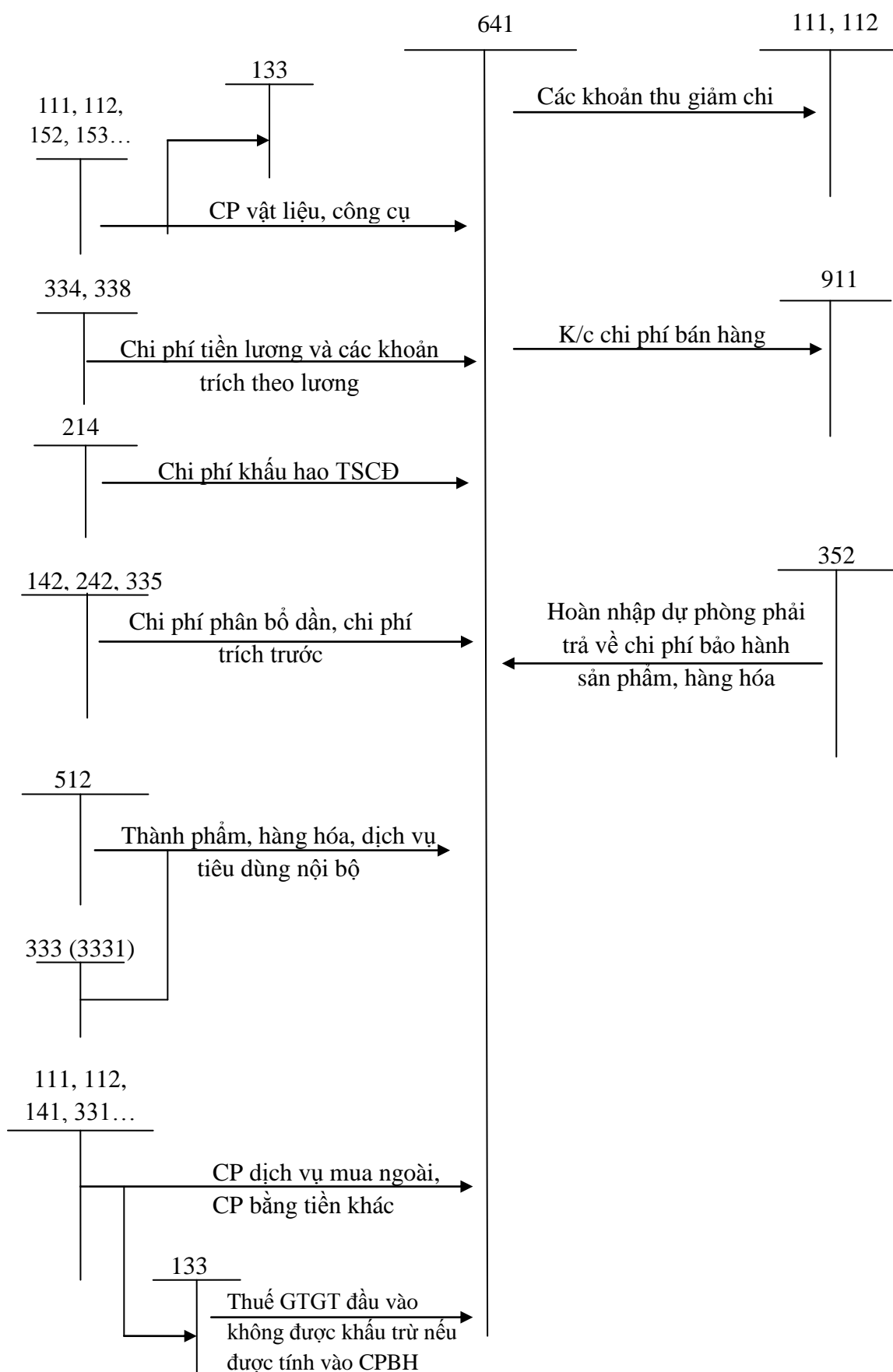
*Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ*

TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2:

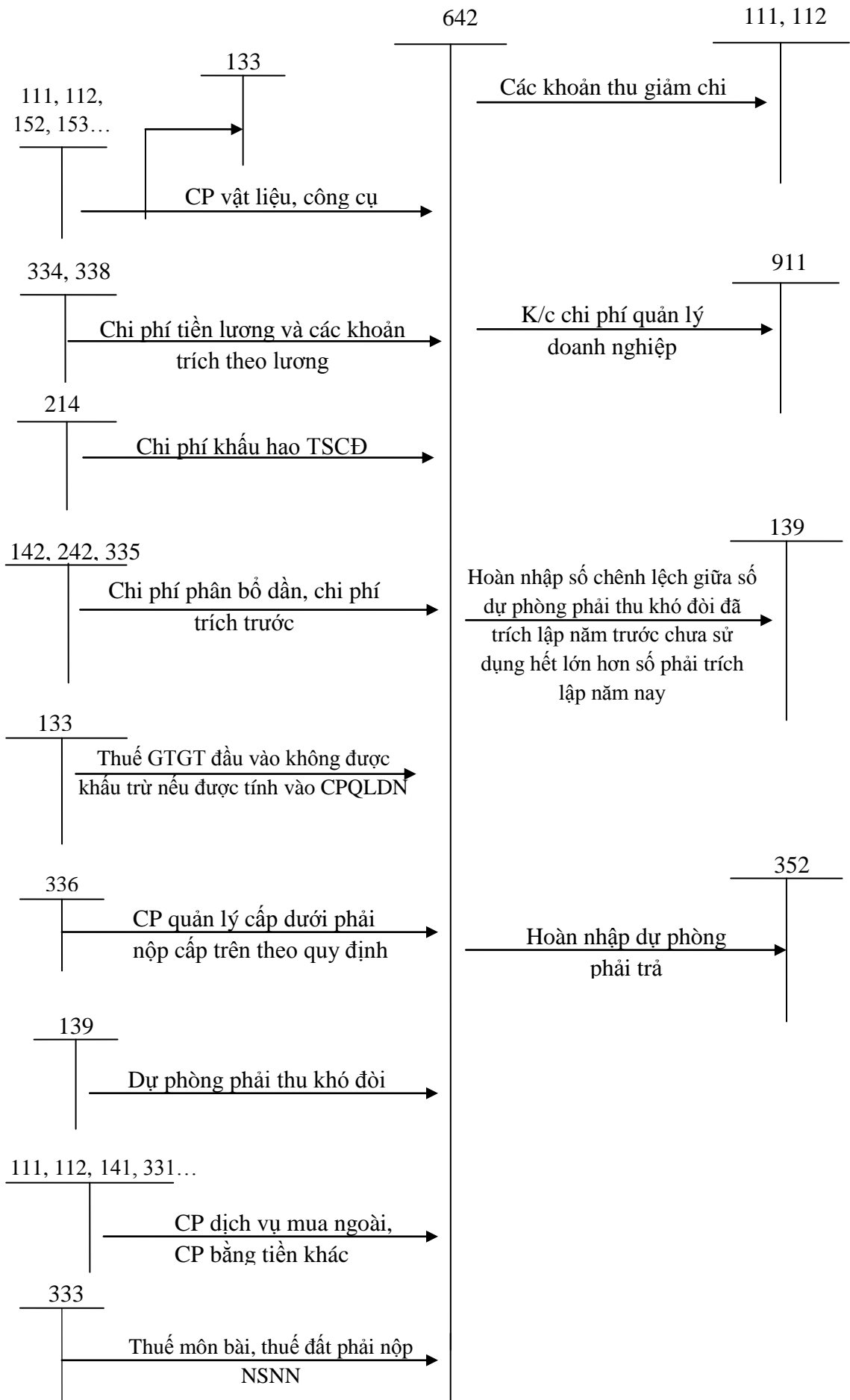
- TK 6421- Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422- Chi vật liệu quản lý
- TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425- Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426- Chi phí dự phòng
- TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428- Chi phí bằng tiền khác

❖ ***Sơ đồ hạch toán:***

**Sơ đồ 1.11 : Kế toán chi phí bán hàng**



**Sơ đồ 1.12 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



### 1.3.1.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

#### ❖ *Khái niệm:*

*Doanh thu hoạt động tài chính* là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại.

*Chi phí hoạt động tài chính* là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

#### ❖ *Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các khế ước cho vay, đi vay
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan

#### ❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

#### ✓ *Tài khoản 515- doanh thu hoạt động tài chính*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi tức được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

#### *Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515*

#### Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển số phân bổ chênh lệch, tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lãi tỷ giá giai đoạn trước hoạt động, khi hoàn thành đầu tư) để xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài để xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển doanh thu tài chính thuần sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### Bên Có :

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

- Lãi phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ.

- Phản ánh số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phản ánh khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi BCTC của hoạt động ở nước ngoài vào doanh thu hoạt động tài chính.

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ*

### **✓ Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

*Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 635*

Bên Nợ :

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.

- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Chi phí đất chuyển nhượng cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.

- Phản ánh số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Phản ánh khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài (lỗ tỷ giá) vào chi phí tài chính.

### Bên có :

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

- Phản ánh số kết chuyển khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước thực hiện) đã hoàn thành đầu tư để xác định kết quả kinh doanh.

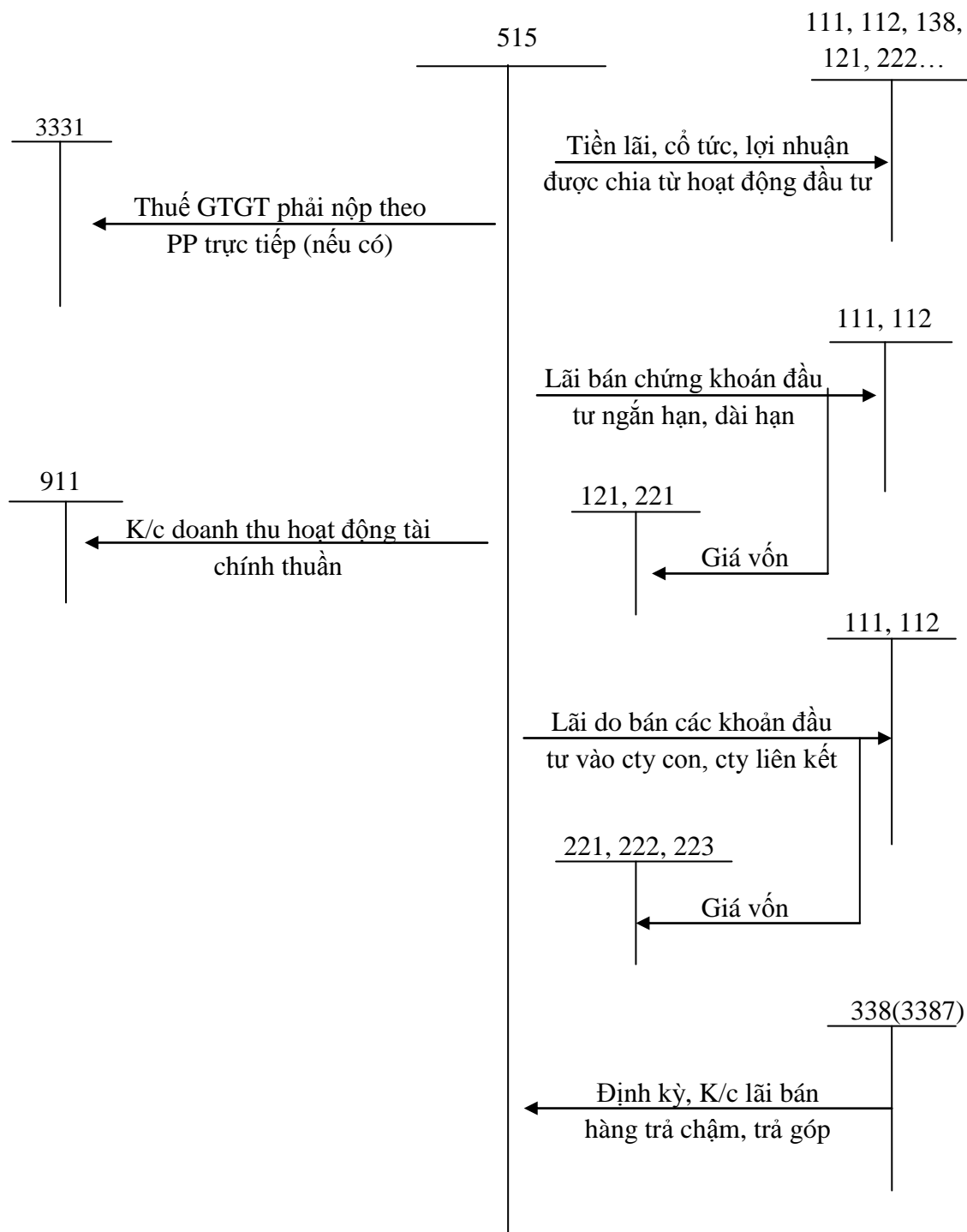
- Phản ánh khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động của nước ngoài (lỗ tỷ giá) để xác định kết quả kinh doanh.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ*

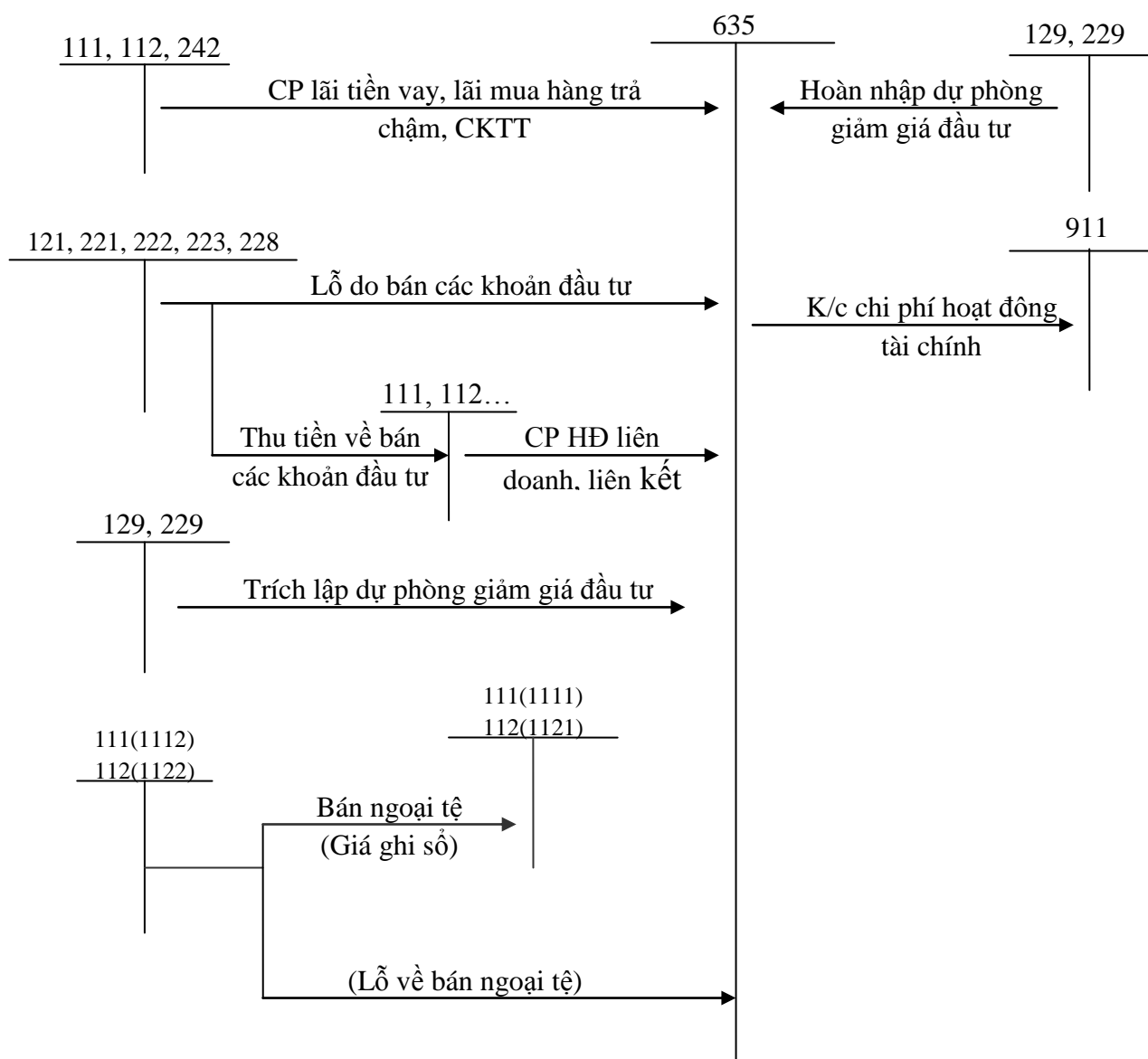
❖ ***Sơ đồ hạch toán:***

**Sơ đồ 1.13 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**





**Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí hoạt động tài chính**



### 1.3.2. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### ❖ Khái niệm:

*Thu nhập khác* là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu như:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, hoàn lại
- Các khoản thu khác

*Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán.
- + Chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con...
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, bị truy thu thuế....
- + Các khoản chi phí khác

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

##### ✓ *Tài khoản 711 – Thu nhập khác*

*Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711:*

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

### Bên Có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

✓ ***Tài khoản 811 – Chi phí khác***

*Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811*

### Bên Nợ :

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

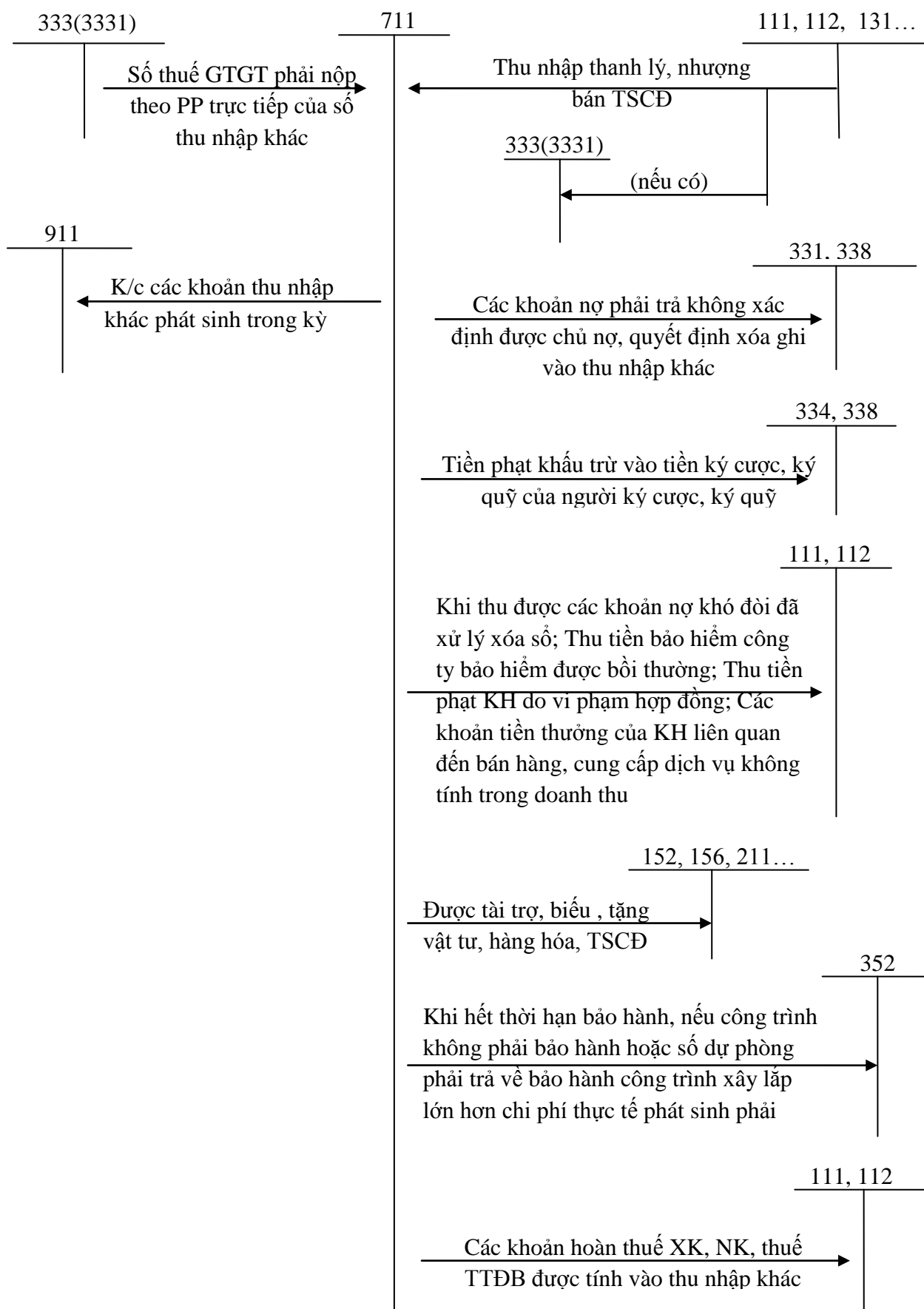
### Bên Có :

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

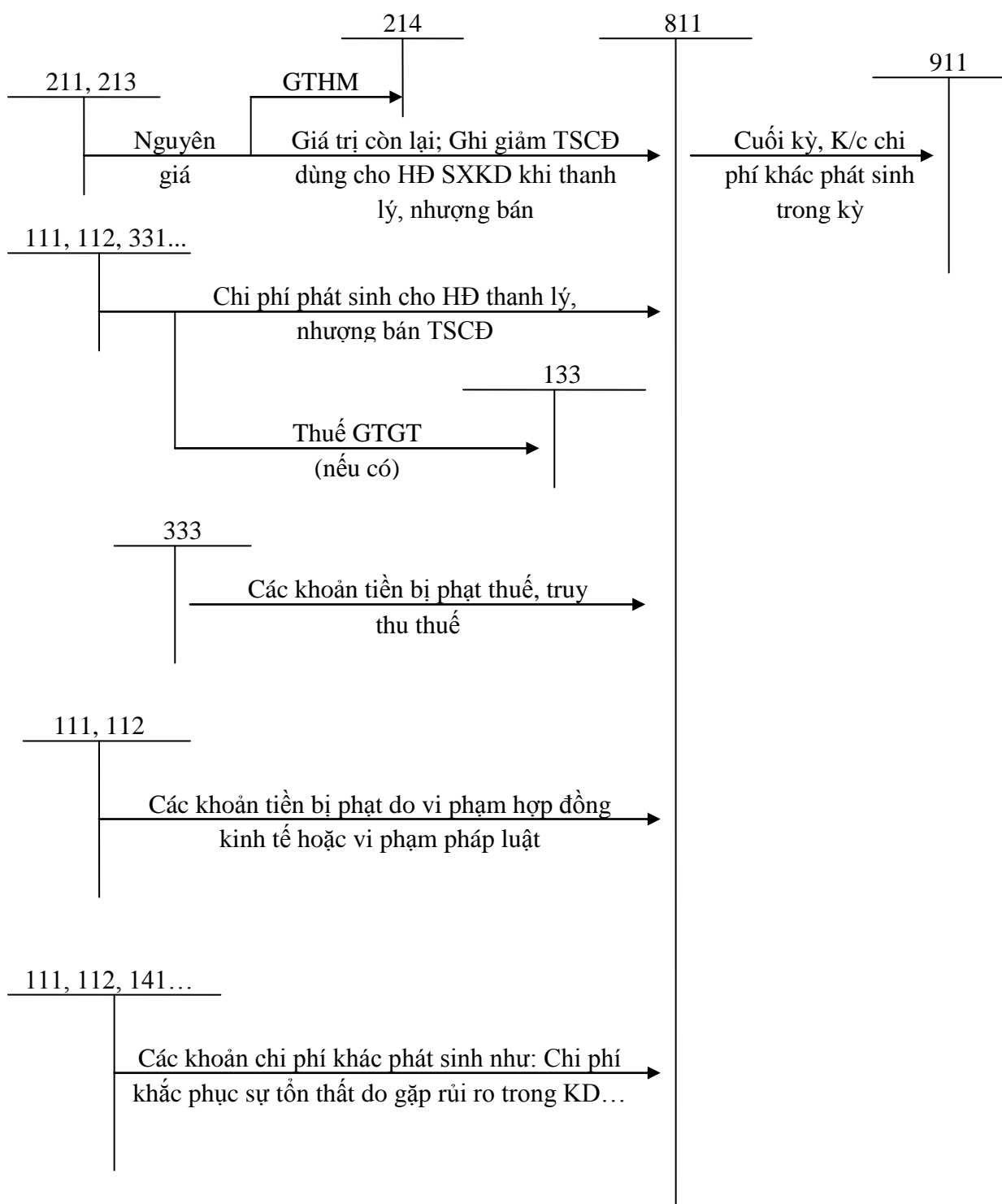
*Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

**Sơ đồ 1.15 : Kế toán thu nhập khác**



**Sơ đồ 1.16 : Kế toán chi phí khác**



### 1.3.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.3.3.1. Kế toán chi phí thuế TNDN:

❖ **Khái niệm:**

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:* bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK 8212 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại

*Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821*

Bên nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm).
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

### Bên có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm).

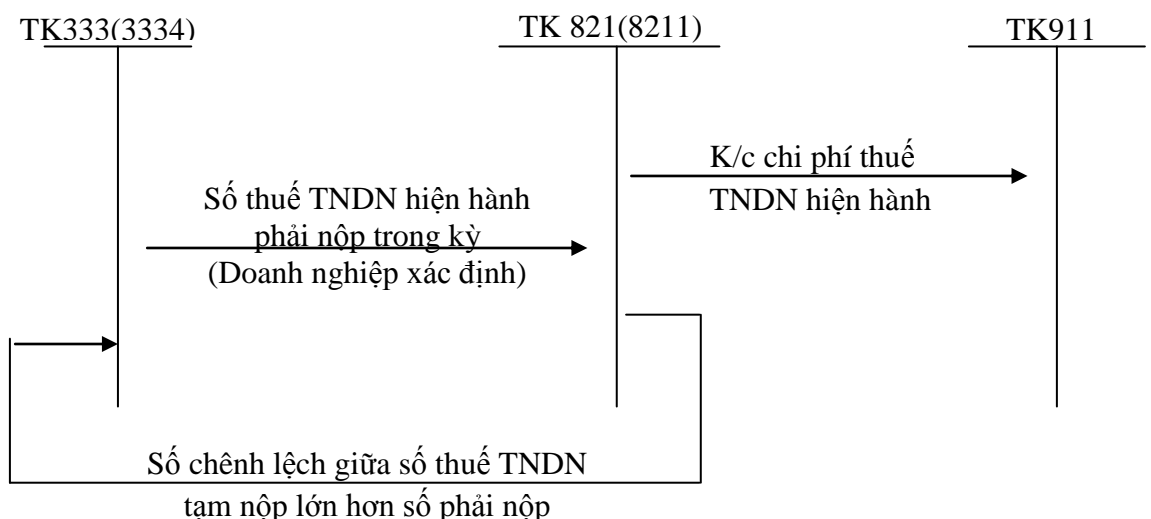
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm).

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

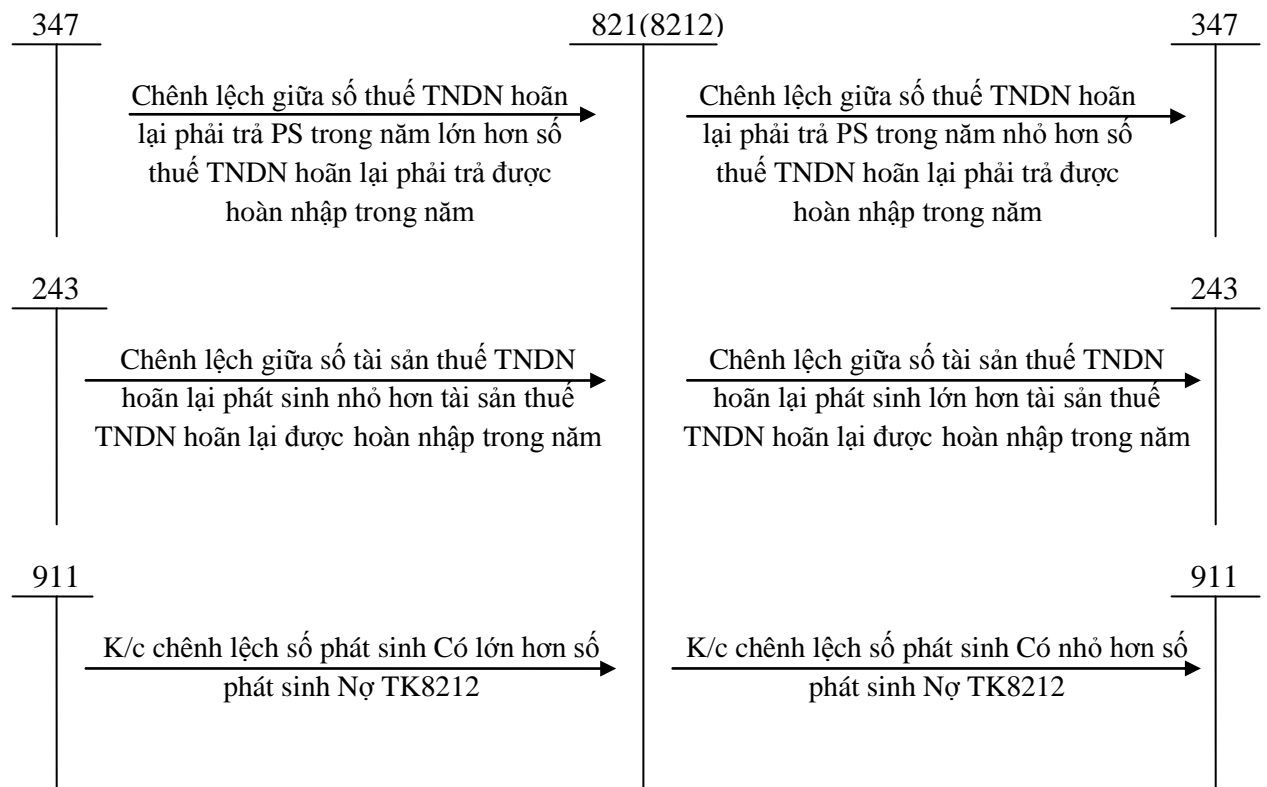
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Có TK8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

### ❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.17 : Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



**Sơ đồ 1.18 : Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại**



**1.3.3.2. Kế toán xác định kết hoạt động quả kinh doanh**

**❖ Khái niệm:**

- *Kết quả hoạt động kinh doanh*: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

$$\begin{array}{l}
 \text{Lợi nhuận hoạt} \\
 \text{động kinh doanh}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Lợi nhuận hoạt động} \\
 \text{sản xuất kinh doanh}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Lợi nhuận hoạt động} \\
 \text{tài chính}
 \end{array}$$

+*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư...), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$\text{Lợi nhuận H\text{Đ}SXKD} = \text{Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí BH, chi phí QLDN}$$

$$\text{Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV} = \text{Doanh thu về BH và cung cấp DV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

+*Kết quả hoạt động tài chính* là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$* \text{ Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng LN kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Tổng LN kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

### ❖ *Chứng từ sử dụng:*

Phiếu kế toán

### ❖ *Tài khoản sử dụng:*

#### **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

*Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911*

#### Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

**Bên Có:**

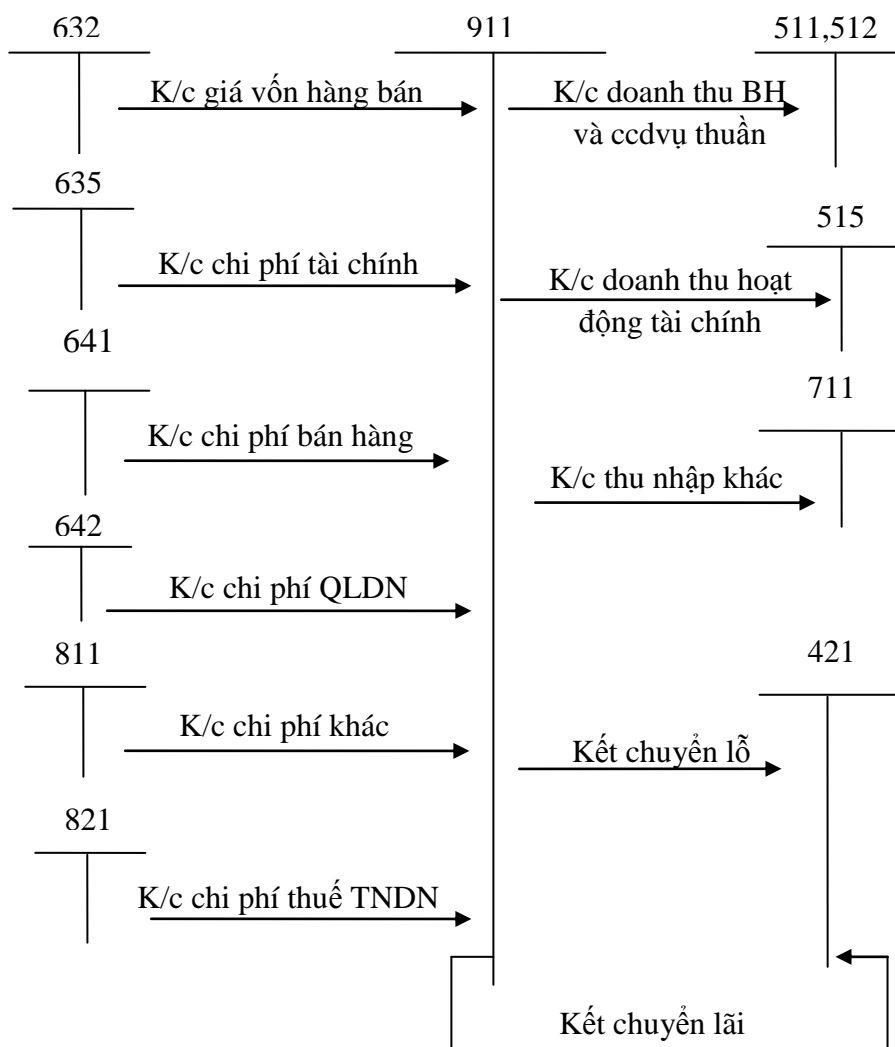
- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

- Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư*

**Sơ đồ 1.19 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



## 1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

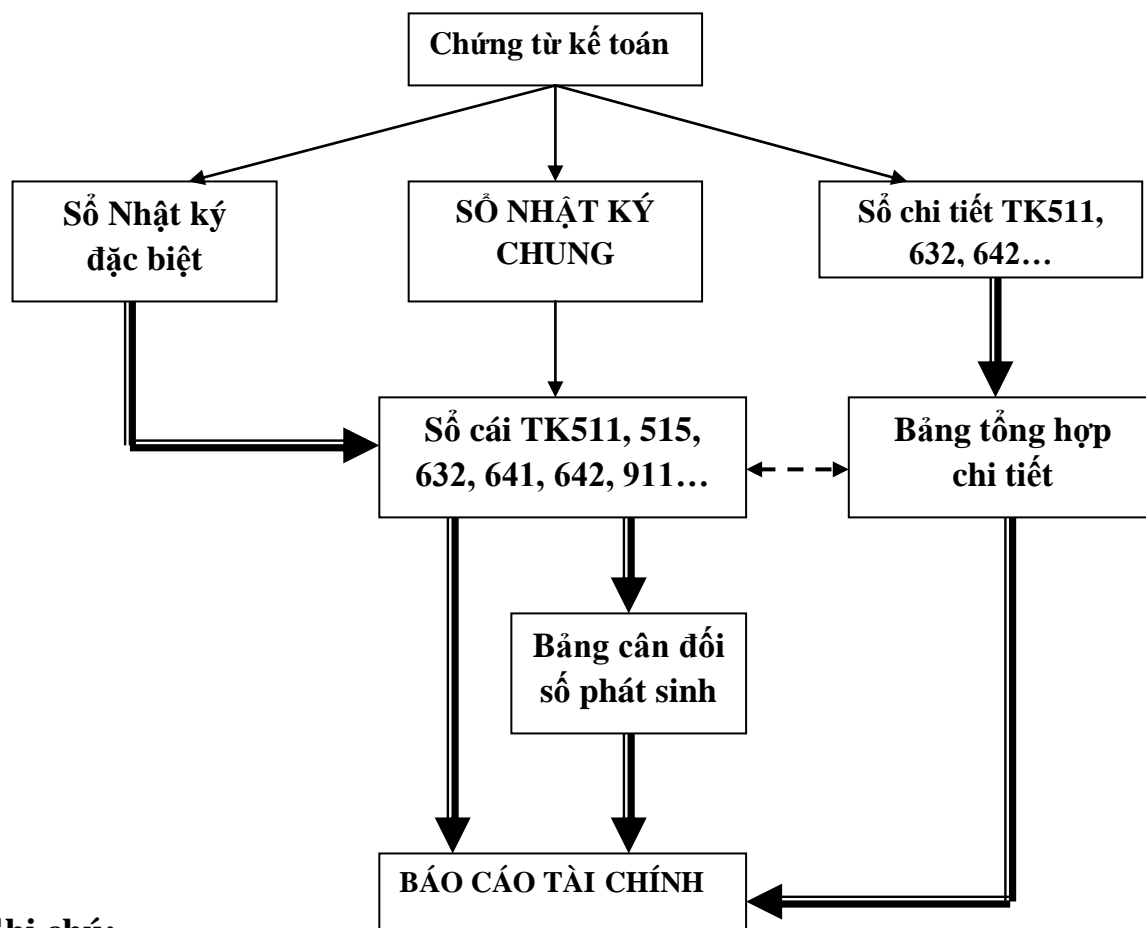
### 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo dõi trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của từng nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ sử dụng:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

### 1.4.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ vào các “Chứng từ ghi sổ” để vào sổ kế toán tổng hợp.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

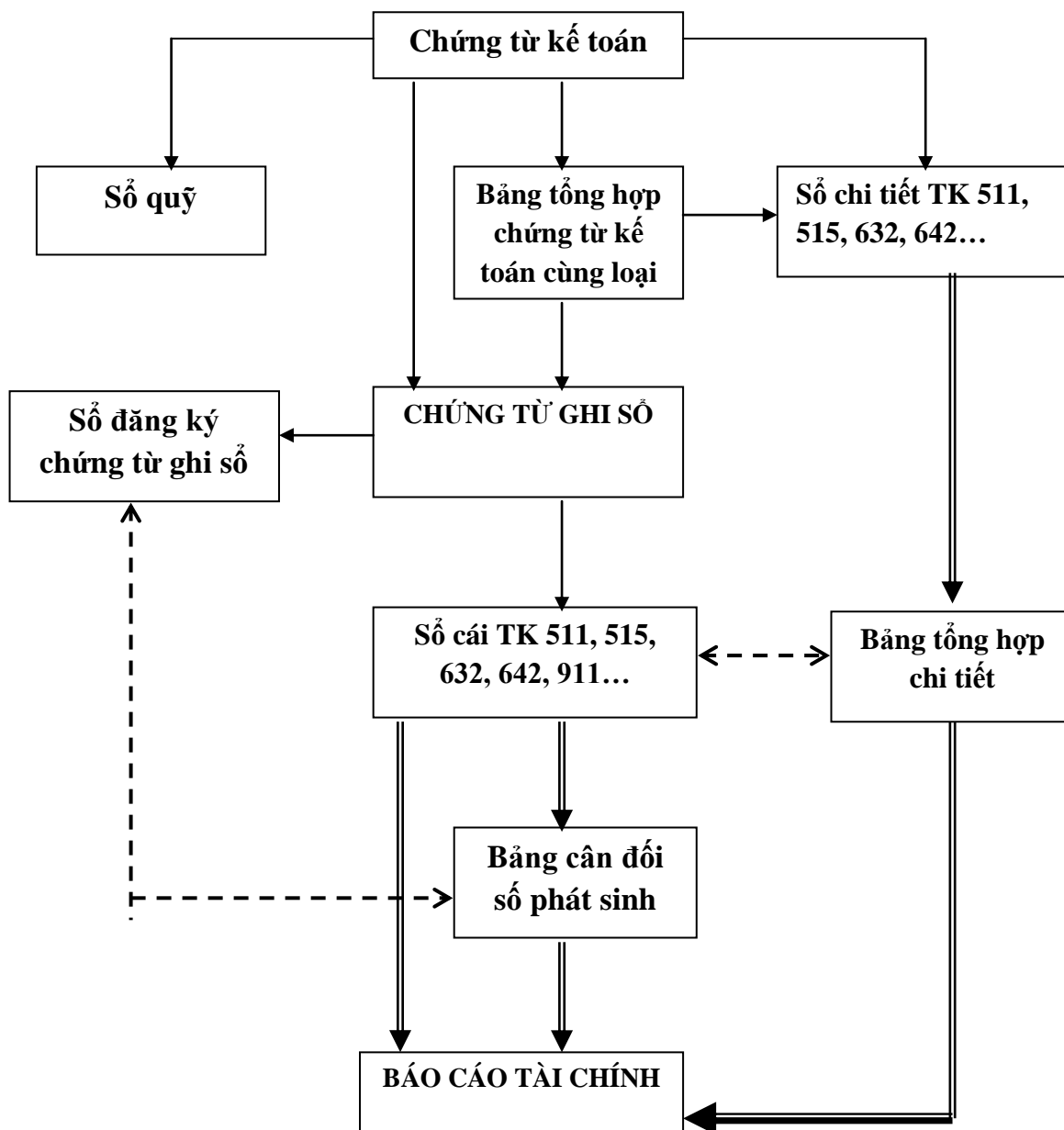
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ sử dụng:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ kế toán chi tiết.

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán:*

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



**Ghi chú:**

- $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày
- $\Longrightarrow$  Ghi cuối kỳ
- $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

**1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**

❖ **Đặc điểm:**

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

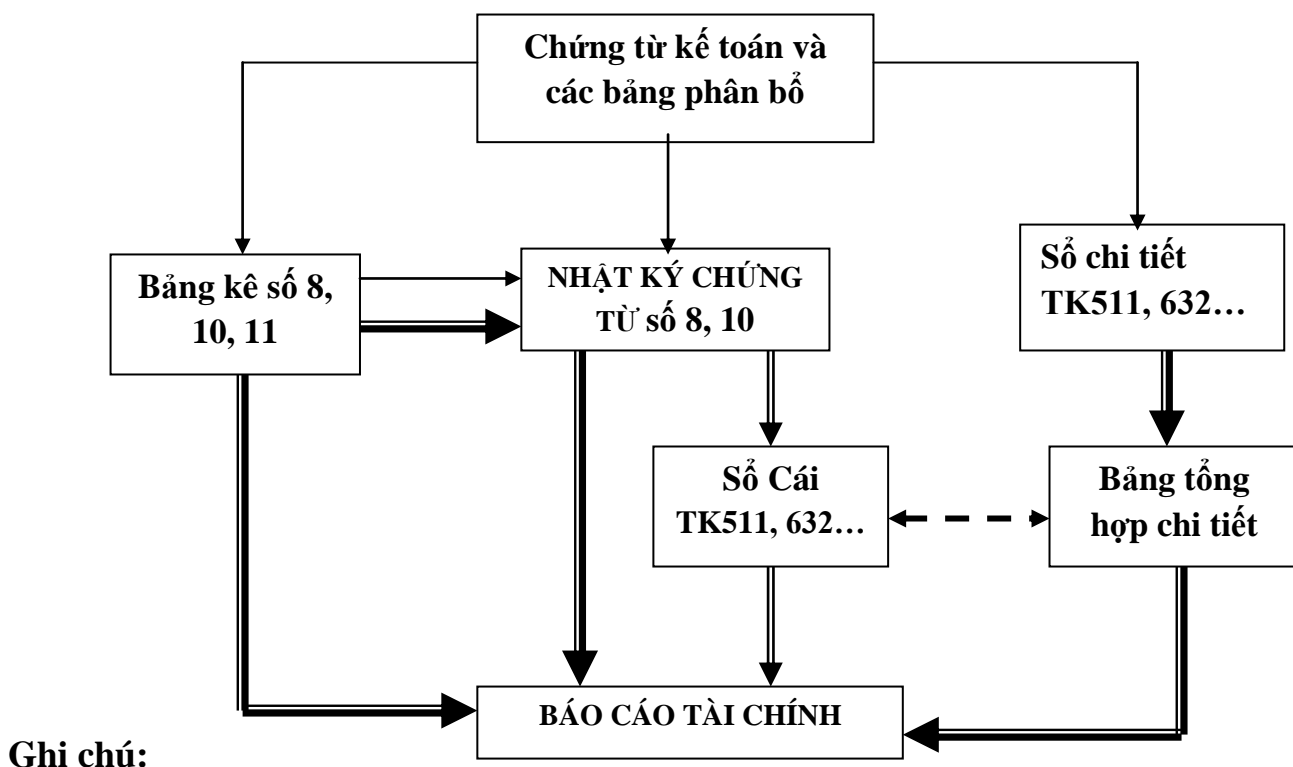
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ **Các loại sổ sử dụng:** Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Các sổ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

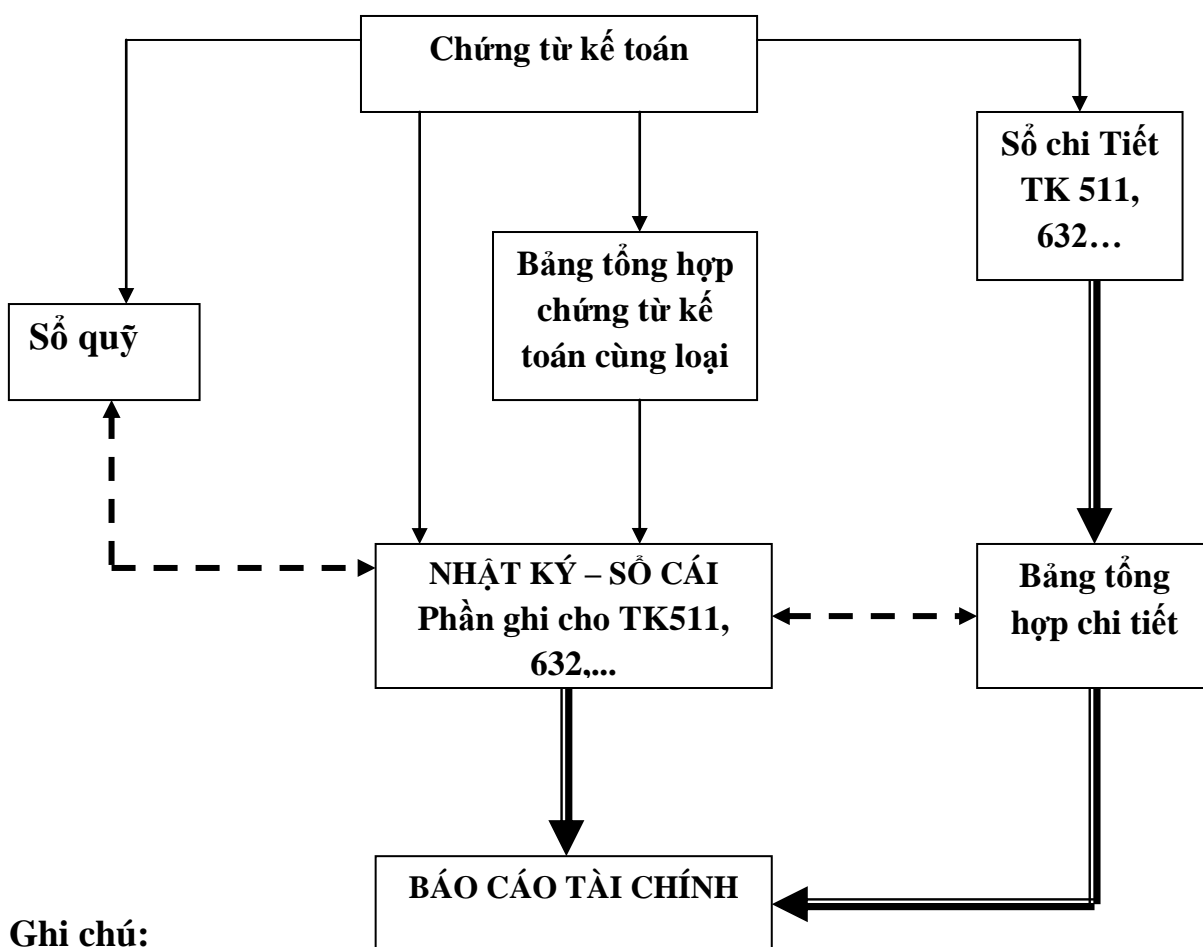
#### 1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

❖ **Đặc điểm:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi chép vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ sử dụng:** Sổ Nhật ký – Sổ Cái, các sổ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

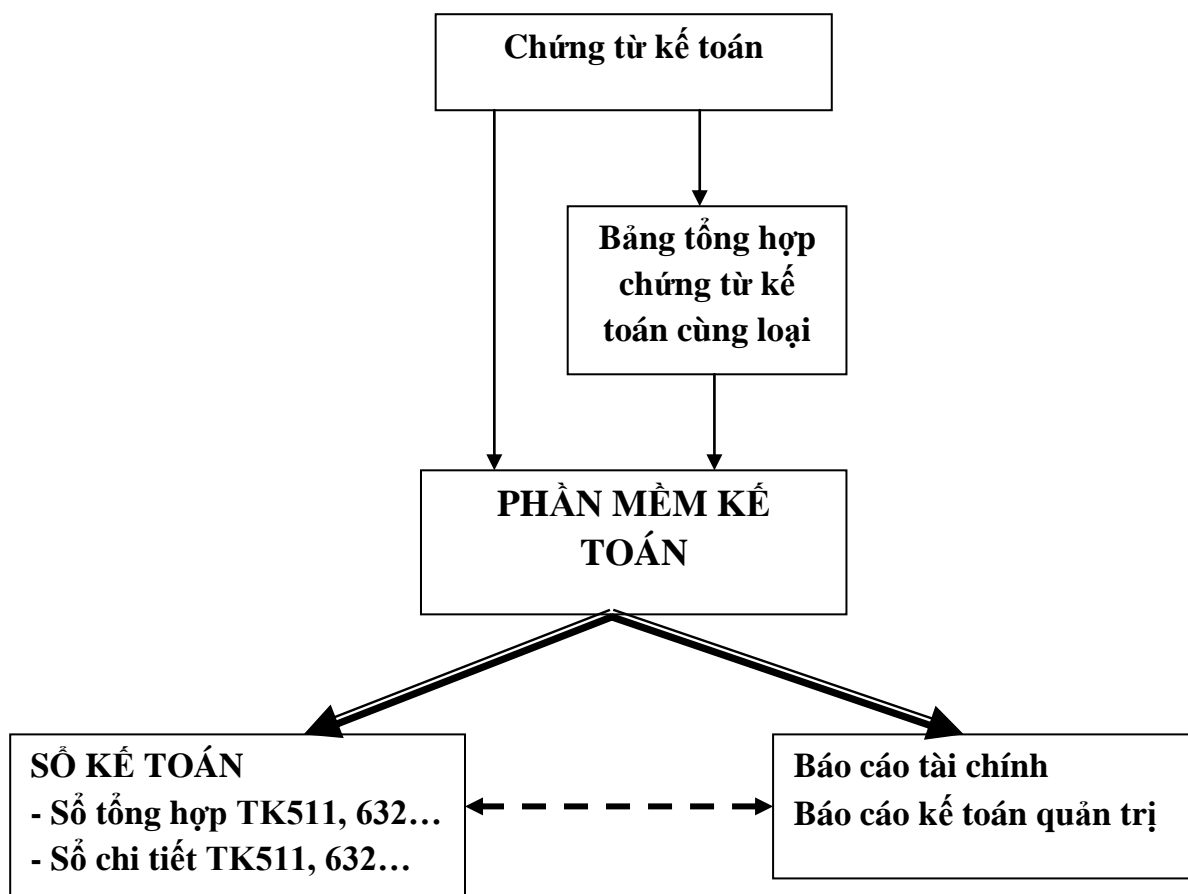


### 1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ sử dụng:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó và không nhất thiết giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

#### ❖ Trình tự ghi sổ



**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ sách cuối kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra



**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

**2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUANG LINH:**

- ❖ Tên giao dịch Tiếng Việt: **Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh**
- ❖ Tên giao dịch Tiếng Anh: **Quang Linh Trading Joint Stock Company**
- ❖ Tên viết tắt : **QULINCO**
- ❖ Trụ sở : **Số 9A khu Phương Lưu II, phường Đông Hải, quận Hải An ,  
thành phố Hải Phòng.**
- ❖ Tel : **031.3978832**
- ❖ Fax : **031.3978832**
- ❖ Email : **qulinco@vnn.vn**
- ❖ Slogan : **LUÔN VÌ SỰ AN TOÀN CỦA BẠN**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần thương mại  
Quang Linh:**

Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh là đơn vị được thành lập với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu 1.900.000.000 đồng. Và được Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0203000826 ngày 09/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/08/2007.

Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh là một trong những đơn vị cung ứng, bảo dưỡng, bảo trì các trang thiết bị hàng hải và sửa chữa nhỏ cho các tàu có uy tín ở khu vực phía Bắc Việt Nam và đội tàu quốc tế.

Với gần 7 năm kinh nghiệm, công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, tính chuyên nghiệp cao được đào tạo ở nước ngoài.

Công ty hiện đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2008 do tập đoàn Det Norske Veritas (DNV) – NaUy cấp để chuẩn hóa chất lượng dịch vụ nhằm cung cấp đến khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

Công ty cổ phần thương mại Quang Linh quan tâm trở thành 1 doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực sửa chữa bảo dưỡng, lắp đặt các trang thiết bị cứu sinh, cứu

hoả cho tàu biển. Công ty luôn xác định đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của khách hàng là nhiệm vụ hàng đầu cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty luôn thấu hiểu và thực hiện khẩu hiệu:

“Quang Linh – luôn vì sự an toàn của bạn”

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh:**

- *Hình thức sở hữu vốn:* doanh nghiệp cổ phần.

- *Lĩnh vực kinh doanh:* kinh doanh thương mại và dịch vụ

- *Ngành nghề kinh doanh:*

- 1- Bảo dưỡng trang thiết bị cứu sinh cho các tàu hoạt động các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế, bao gồm: Phao bè cứu sinh tự nổi, phao tròn, phao cứu sinh cá nhân, phao bè cứng.
- 2- Cung cấp các trang thiết bị và bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu và thiết bị nâng hạ xuồng.
- 3- Thiết kế, lắp đặt, cung ứng và bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa các trang thiết bị tự động báo cháy, tự động dập cháy cho tàu biển bằng Foam, khí CO<sub>2</sub>, kiểm tra định kỳ trạm cứu hỏa cố định và các bình di động.
- 4- Cung cấp vật tư, thiết bị và lắp đặt, bảo dưỡng, hiệu chỉnh nghi khí hàng hải.
- 5- Nhận hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa.
- 6- Tư vấn thiết kế, giám sát đóng mới và sửa chữa tàu biển.
- 7- Nhận vận chuyên và giao nhận vận chuyên đường bộ.
- 8- Liên kết đào tạo nghề ngắn hạn và tư vấn giới thiệu việc làm.
- 9- Thiết kế và thi công các hệ thống cứu sinh, cứu hỏa, thủy lực, điện, vách chống cháy, thiết bị nâng hạ, tời neo, tời cô dây... tàu biển.
- 10- Cung cấp các vật tư trang bị cho các cảng biển và cảng đường thủy nội địa.

### **2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích của Công ty**

#### **➤ Thuận lợi:**

- Công ty hoạt động được sự ủy quyền của Đăng kiểm Việt Nam về bảo dưỡng các trang thiết bị tàu biển.

- Với gần 7 năm kinh nghiệm, công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, tinh chuyên nghiệp cao được đào tạo ở nước ngoài, tinh thần làm việc hăng say, có trách nhiệm, luôn đảm bảo hiệu quả công việc cao.

- Công ty trang bị máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, luôn được bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên. Hàng năm, máy móc, thiết bị của công ty đều được cơ quan kiểm định xác nhận đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Công ty hiện đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2008.

Với những điều kiện trên, Công ty đã cung cấp đến khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Hiện Công ty là một trong những đơn vị nhận được sự tín nhiệm cao của nhiều chủ tàu trong và ngoài nước.

### ➤ **Khó Khăn**

- Hiện nay, nhiều công ty cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì các trang thiết bị hàng hải, cung ứng phao cứu sinh được thành lập, dẫn đến sự cạnh tranh về giá cả cung như thương hiệu giữa các công ty này diễn ra rất mạnh. Đây là một khó khăn rất lớn trong việc thu hút khách hàng của Công ty.

- Các chi phí tăng: chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận chuyển, chi phí sinh hoạt cho công nhân viên đi công tác xa, chi phí đăng kiểm... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong Công ty.

- Với sự biến động của nền kinh tế: tỷ lệ lạm phát cao, sự khủng hoảng kinh tế của Việt Nam và Thế giới cuối năm 2008, đầu năm 2009 đã làm cho tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, nguồn tài chính của Công ty hạn hẹp, Công ty phải đi vay vốn của nhiều tổ chức tín dụng với lãi suất cao.

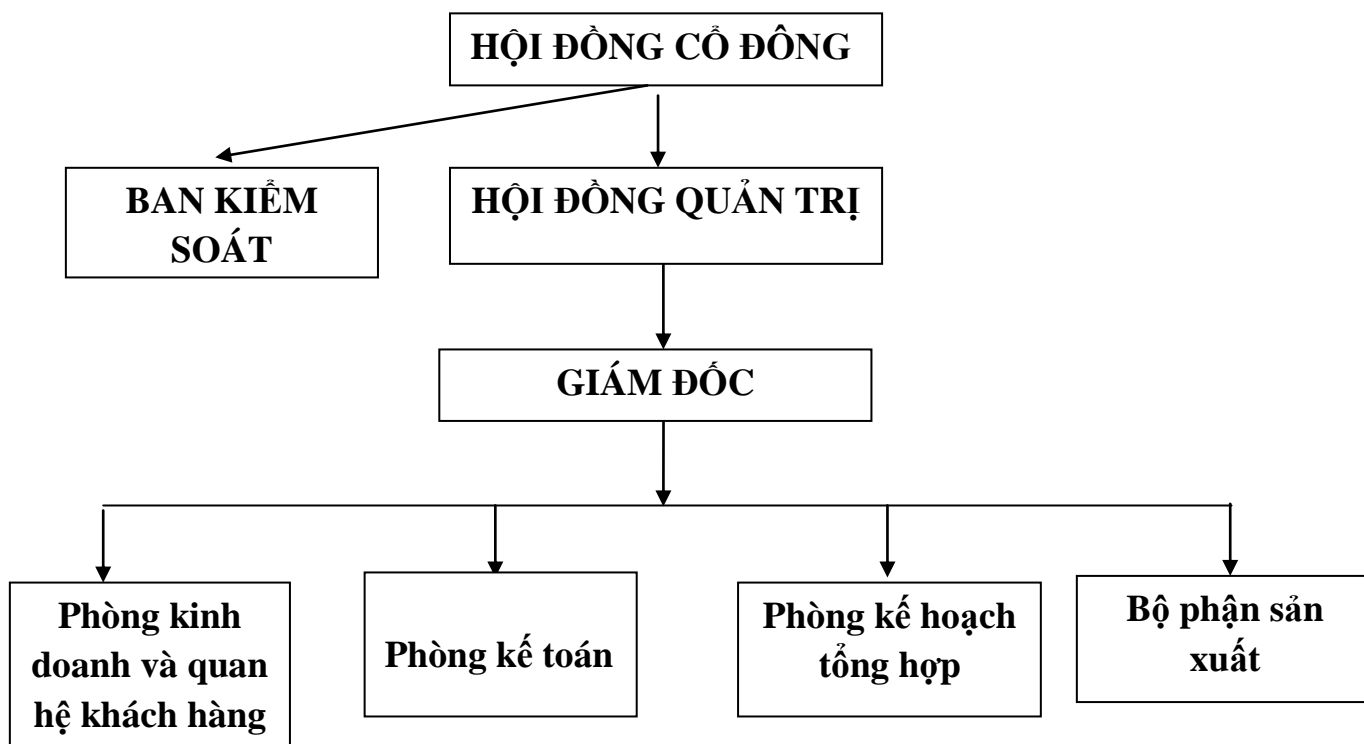
- Vị trí làm việc của Công ty xa trung tâm giao thông lớn: đường hẹp, dân cư đông đúc đã làm cho việc đi lại của công nhân viên và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn.

### **Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được:**

Với chất lượng dịch vụ của Công ty, Công ty đã có nhiều sự tín nhiệm của các bạn hàng lớn (các chủ tàu lớn) trong nước và quốc tế như tàu VOTCO, VINASHIP, các đội tàu của VINALINE (thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam)...., Công ty

đã ký kết được nhiều hợp đồng và các đơn đặt hàng lớn, mang lại nhiều doanh thu cho Công ty.

### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CPTM Quang Linh



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh

Chức năng của từng bộ phận như sau:

#### ❖ *Hội đồng cổ đông:*

- Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp.
- Là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong việc phát triển Công ty.
- Quyết định cơ cấu vốn
- Bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc để quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### ❖ *Hội đồng quản trị:*

- Là cơ quan thay mặt Hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

- Có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc Hội đồng cổ đông quyết định.

- Định hướng chính sách tồn tại và phát triển thông qua hoạch định các chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát:**

- Do Hội đồng cổ đông bầu.

- Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp của cổ đông.

❖ **Giám đốc:**

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và toàn bộ cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và điều hành, kiểm tra các hoạt động của Công ty.

- Phê duyệt các văn bản, ký kết các hợp đồng.

- Phê duyệt và quản lý toàn bộ các chi phí toàn Công ty.

- Là chủ tịch hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty và ra các quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các CBCNV có thành tích hoặc vi phạm kỷ luật.

- Bổ nhiệm các cán bộ có năng lực vào các vị trí thích hợp.

❖ **Phòng kinh doanh và quan hệ khách hàng:**

- Duy trì mối quan hệ với khách hàng truyền thống.

- Phát triển khách hàng mới.

- Tìm hiểu, phân tích năng lực đối thủ cạnh tranh.

- Tìm hiểu, phân tích giá cả đối thủ cạnh tranh.

- Chịu trách nhiệm tìm và áp dụng các biện pháp nhằm phát triển thị trường.

- Tham mưu cho Giám đốc về định hướng kinh doanh phù hợp với thị trường thực tế trong từng giai đoạn.

- Chịu trách nhiệm đề xuất và giải quyết các khiếu nại của khách hàng.

### ❖ **Phòng kế hoạch tổng hợp:**

- Tập hợp các đơn hàng, xây dựng chương trình sản xuất, tham mưu cho giám đốc các chính sách kinh doanh, gặp gỡ các đối tác kinh doanh, xây dựng các hợp đồng kinh tế. Giám sát về mặt chất lượng nguyên vật liệu, chất lượng dịch vụ.
- Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức quản lý, tuyển dụng và đào tạo lao động.
- Quản lý hồ sơ nhân sự. Tiến hành soạn thảo, tiếp nhận, phân phối và lưu trữ các công văn giấy tờ.
- Chịu trách nhiệm tổ chức các sự kiện, đón tiếp khách.

### ❖ **Phòng kế toán:** Mục 2.1.5.1

#### ❖ **Bộ phận sản xuất:**

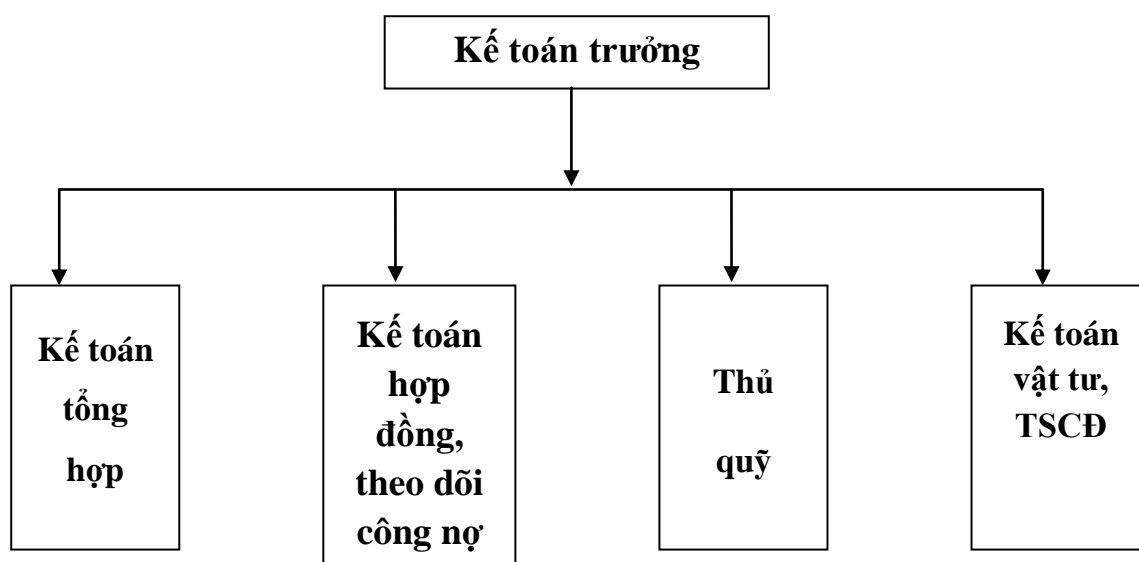
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình làm ra.
- Thực hiện đúng các nội quy, quy định của Công ty.
- Thực hiện sản xuất đúng tiến độ kế hoạch đề ra.
- Thực hiện đúng quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ.

### **2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh**

#### **2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh:**

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh được tổ chức theo mô hình tập trung, chỉ có một bộ máy kế toán và một bộ sổ kế toán để thực hiện hạch toán tất cả các nghiệp vụ phát sinh ở tất cả các phân hành kế toán.

Phòng kế toán có 5 người, mỗi người đều được trang bị một bộ máy tính bàn để thực hiện công việc, nhiệm vụ hằng ngày của mình. Mặt khác công ty còn kết nối internet nhằm giúp cán bộ công nhân viên trong công ty liên lạc cập nhật tình hình kinh tế xã hội, chính sách, chế độ kế toán....



**Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh**

Chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên kế toán như sau:

❖ **Kế toán trưởng:**

- Là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tình hình tài chính trong hoạt động SXKD của Công ty.
- Hoàn thành tất cả các thủ tục về tài chính và giao dịch với Ngân hàng, thuế...
- Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản chi phí phát sinh.
- Chịu trách nhiệm hạch toán lỗ, lãi của từng công trình.
- Chịu trách nhiệm hạch toán lỗ, lãi hàng tháng để báo cáo cho Giám đốc.
- Chịu trách nhiệm lập BCTC và tờ khai thuế...
- Chịu trách nhiệm viết hoá đơn VAT

**Kế toán tổng hợp:**

- Là người chịu trách nhiệm lập bản dự toán và quyết toán các công trình.
- Chịu trách nhiệm làm các thủ tục thanh toán trước khi chuyển sang cho kế toán trưởng xem.
- Chịu trách nhiệm làm các thủ tục về bảo hiểm, tai nạn 24/24, BHXH cho CBCNV Công ty.
- Chịu trách nhiệm tính lương cho CBCNV.

### ❖ **Nhân viên theo dõi hợp đồng và theo dõi công nợ:**

- Chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện các hợp đồng kinh tế của Công ty đã ký với đối tác.
- Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ của khách hàng, đôn đốc, nhắc nhở khách hàng thanh toán theo hoá đơn hoặc ngày hẹn thanh toán.
- Thu các khoản tiền mà khách hàng nợ Công ty về nộp cho thủ quỹ.
- Theo dõi công nợ của các nhà cung cấp và báo cáo Giám đốc và Kế toán trưởng khi đến hạn thanh toán.

### ❖ **Thủ quỹ:**

- Là người chịu trách nhiệm về ngân quỹ của Công ty.
- Chịu trách nhiệm thu các khoản tiền do khách hàng thanh toán
- Chịu trách nhiệm chi các khoản tiền theo phiếu chi hợp lý.
- Chịu trách nhiệm chi các khoản tạm ứng theo phiếu tạm ứng hợp lệ.

### ❖ **Kế toán vật tư, TSCĐ:**

- Theo dõi lượng vật tư, công cụ dụng cụ nhập, xuất, tồn kho.
- Chịu trách nhiệm quản lý các vật tư thiết bị, tài sản mua sắm sử dụng hàng ngày, định kỳ kiểm kê vật tư tài sản của các phòng ban, các tổ sản xuất và đề xuất các biện pháp xử lý vật tư tồn đọng hay mất mát.
- Hằng ngày, báo cáo giám đốc về tình hình vật tư, công cụ dụng cụ của công ty.
- Đề xuất với giám đốc mua thêm vật tư, công cụ dụng cụ cần bổ sung.
- Theo dõi TSCĐ hiện có cũng như tình hình tăng, giảm TSCĐ về đối tượng sử dụng, nguyên giá TSCĐ, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, tính và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, thực hiện kiểm kê, đánh giá lại giá trị TSCĐ theo quy định.

### **2.1.5.2. Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty:**

- ❖ Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



- ❖ Các chính sách, phương pháp đang áp dụng:
  - Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
  - Kế toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song
  - Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp nhập trước – xuất trước
  - Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
  - Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đường thẳng
  - Tính giá thành: theo phương pháp trực tiếp

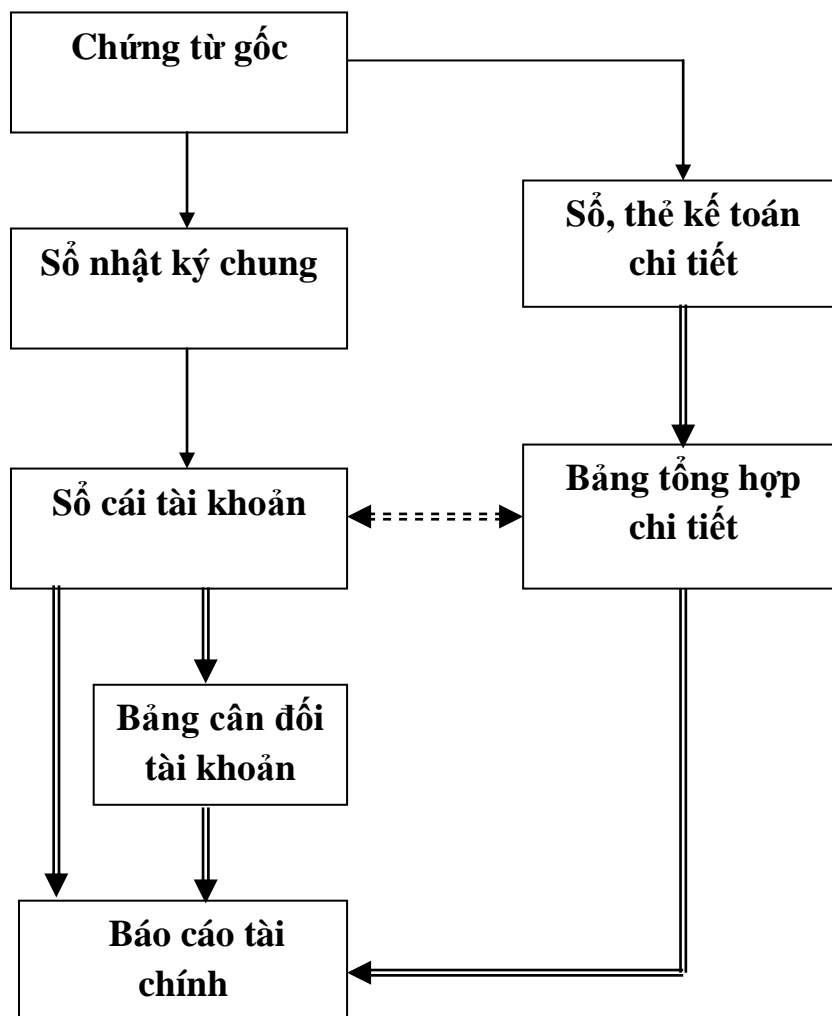
- ❖ Công ty đang áp dụng hình thức kế toán *Nhật ký chung*

Hiện nay, công ty đang sử dụng máy vi tính trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng (làm trên EXCEL) tạo ra nhiều thuận lợi cho các cán bộ, đặc biệt là các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán, giúp cho công tác kế toán giảm bớt công việc ghi chép bằng tay, đồng thời công việc hạch toán nhanh chóng và chính xác hơn.

- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán của công ty:

Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có vào Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ cái... Cuối năm vào Bảng tổng hợp chi tiết, lập Bảng cân đối tài khoản, Lập báo cáo tài chính.

*Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được khái quát theo sơ đồ sau:*



**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty CPTM Quang Linh**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kỳ
- ◄==> Đối chiếu sổ sách

- ❖ Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật ký chung bao gồm:
  - Sổ nhật ký chung
  - Sổ cái
  - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- ❖ Hệ thống báo cáo tài chính bao gồm:
  - Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)

- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

## **2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

### **2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh**

#### **2.2.1.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ**

*\* Hình thức thanh toán:*

- Tiền mặt
- Chuyển khoản
- Chưa thanh toán

*\* Tài khoản sử dụng:*

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Và các tài khoản khác có liên quan

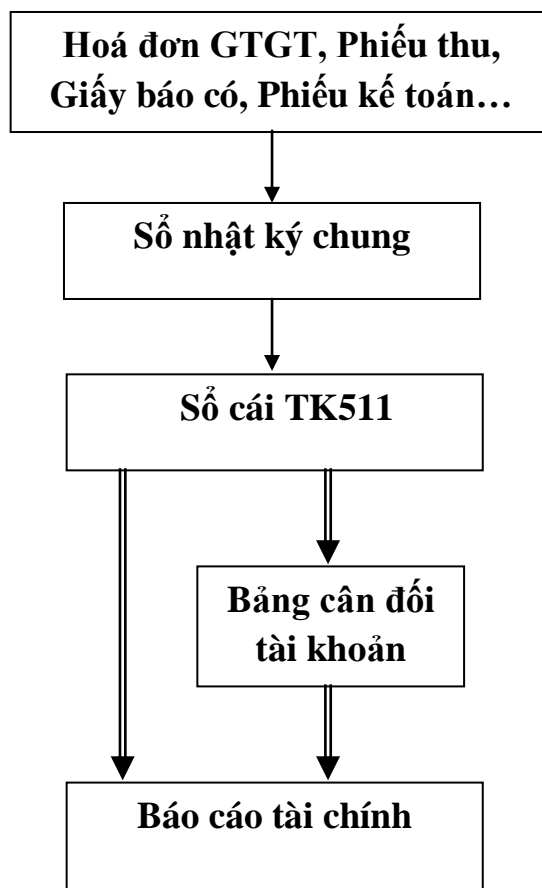
*\* Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT- 3LL)
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

*\* Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511, ...

\* Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty CPTM Quang Linh

**Ghi chú:**

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

\***Ví dụ:** Ngày 08/12/2010, Công ty TNHH Vạn Thành gửi hồ sơ tàu đến Công ty và yêu cầu Công ty bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phao cứu sinh cứu hỏa cho tàu Vạn Thành III. Sau 7 ngày thẩm định hồ sơ và xây dựng kế hoạch cho tàu Vạn Thành III, ngày 15/12/2010, Công ty đã báo giá cho Công ty TNHH Vạn Thành, Công ty TNHH Vạn Thành đã chấp nhận mức giá là 44.140.610 đồng (chưa VAT 10%). Công ty TNHH Vạn Thành thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

*Quy trình hạch toán:*

- Căn cứ vào hóa đơn 0007750 (Biểu 2.1), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3), Sổ cái TK 511 (Biểu 2.4)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1:

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2010	Mẫu số: 01 GTKT- 3LL RN/2010B 0007750				
Đơn vị bán hàng: <i>Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh</i> .....					
Địa chỉ: <i>Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng</i> .....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại..... MST..... <i>0200592970</i> .....					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: ..... <i>Công ty TNHH Vạn Thành</i> .....					
Địa chỉ: <i>Thôn Sáu Phiên, xã An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng</i> .....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:.....CK..... MST..... <i>0200256579</i> .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bảo dưỡng, bảo trì				44.140.610
	Phao cứu sinh, bình				
	Cứu hỏa				
Cộng tiền hàng					44.140.610
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT		4.414.061	
Tổng cộng tiền thanh toán					48.554.671
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng.</i>					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.2:

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM  
HPG – TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004

**TECHCOMBANK**

Theo công văn số 21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội

### PHIẾU BÁO CÁO

Trang 1/1

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CTY CP THƯƠNG MAI QUANG LINH  
Địa chỉ: SỐ 9A-PHƯƠNG LUY II-ĐÔNG HAI-HAI AN-HP  
Mã số thuế: 0200592970  
Số ID Khách hàng: 20018399

Số tài khoản: 109.20018399.01.6

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: FT1023000277

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	48.554.671
<b>Tổng số tiền</b>	<b>48.554.671</b>

Số tiền bằng chữ: **Bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng.**

Trích yếu: CTY TNHH VAN THANH THANH TOAN TIEN BAO TRI, BAO DUONG TAU VAN THANH III THEO HD0007750

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.3:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
14/12	GBN14/12	14/12	Rút TGNH về nhập quỹ			111	70.000.000	
						112		70.000.000
15/12	PC57/12	15/12	Tạm ứng mua vật tư			141	3.000.000	
						111		3.000.000
15/12	HĐ07750	15/12	Cty TNHH Vạn Thành tt tiền BD tàu			112	48.554.671	
						511		44.140.610
						3331		4.414.061
15/12	PT07/12	15/12	Thu tiền bảo trì tàu Mai Hoa			111	27.500.000	
						131		27.500.000
....	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Biểu 2.4:

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Số hiệu: *TK511*

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
....	....	....	.....	....	....	....	....	....
30/11	HD07747	30/11	Bảo dưỡng, bảo trì tàu Mai Hoa			131		25.000.000
07/12	HD07748	07/12	Bảo dưỡng, bảo trì tàu Sơn Trung			131		75.890.568
10/12	HD07749	10/12	Bảo dưỡng, bảo trì tàu Trường Thành			112		45.000.000
15/12	HD07750	15/12	Bảo dưỡng, bảo trì tàu Vạn Thành III			112		44.140.610
31/12	HD07751	31/12	Lắp đặt thiết bị cho Trg CD Hàng Hải			112		474.804.000
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và cc dvụ			911	5.086.516.448	
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>5.086.516.448</b>	<b>5.086.516.448</b>

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)



### 2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh, kế toán không thể xác định chính xác chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng cung cấp dịch vụ nên công ty phải để đến cuối năm mới tiến hành tính giá vốn. Cuối năm, kế toán xác định giá vốn hàng bán của Công ty trong năm được kết chuyển từ TK621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK622 - Chi phí nhân công trực tiếp, TK627 - Chi phí sản xuất chung. Sau đó giá vốn hàng bán được kết chuyển sang TK 911 - Xác định kết quả Kinh doanh. Vì vậy, trong năm có phát sinh nghiệp vụ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ nhưng công ty không phản ánh giá vốn của dịch vụ đó tại thời điểm ghi nhận doanh thu.

\* *Tài khoản sử dụng:*

TK 632 – Giá vốn hàng bán

\* *Chứng từ sử dụng:*

Phiếu kế toán

\* *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 632

**Tại thời điểm cuối năm (31/12/2010)**

+ Kế toán lập PKT33/12: Kết chuyển chi phí sản xuất sang giá vốn (TK632)  
(Biểu 2.5)

+ Căn cứ vào PKT33/12, kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.6), rồi vào Sổ cái TK632 (Biểu 2.7)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.5:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 33/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	K/c CP nguyên vật liệu trực tiếp	632	621	2.625.452.806
	K/c CP nhân công trực tiếp	632	622	1.112.161.539
	K/c chi phí sản xuất chung	632	627	515.419.472
	<b>Cộng</b>			<b>4.253.033.817</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT31/12	31/12	KC doanh thu cung cấp dvụ			511	5.086.516.448	
						911		5.086.516.448
31/12	PKT32/12	31/12	KC doanh thu HĐ tài chính			515	3.071.342	
						911		3.071.342
31/12	PKT33/12	31/12	KC CPSX sang giá vốn			632	4.253.033.817	
						621		2.625.452.806
						622		1.112.161.539
						627		515.419.472
31/12	PKT34/12	31/12	KC giá vốn hàng bán			911	4.253.033.817	
						632		4.253.033.817
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ  
(Ký ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.7:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: *Giá vốn hàng bán*

Số hiệu: *TK632*

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
31/12	PKT33/12	31/12	K/c CP NVL trực tiếp sang giá vốn			621	2.625.452.806	
31/12	PKT33/12	31/12	K/c CP nhân công trực tiếp sang giá vốn			622	1.112.161.539	
31/12	PKT33/12	31/12	K/c chi phí sản xuất chung			627	515.419.472	
31/12	PKT34/12	31/12	K/c Giá vốn			911		4.253.033.817
			<b>Cộng số PS trong năm</b>				<b>4.253.033.817</b>	<b>4.253.033.817</b>

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

### **2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh trong năm 2010 bao gồm các khoản chi phí:

- Chi phí nhân viên khối văn phòng: lương, thưởng lễ tết, phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN
- Đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm
- Khấu hao cho khối văn phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: tiền điện nước, điện thoại, vệ sinh,...
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí bằng tiền khác

*\*Chứng từ sử dụng:*

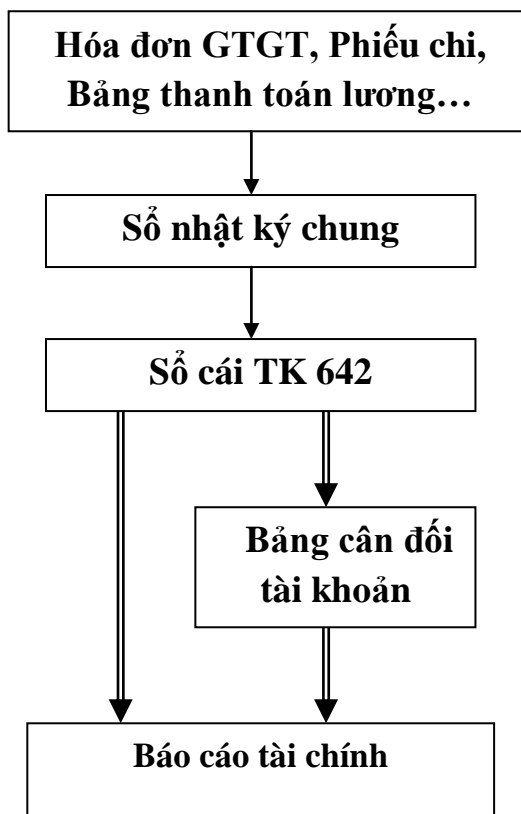
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ chi phí trả trước
- Các chứng từ có liên quan: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Phiếu kế toán

*\*Tài khoản sử dụng:*

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

*\*Sổ sách sử dụng:* Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK642

*\*Quy trình hạch toán:*



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CPTM Quang Linh**

**Ghi chú:**

—————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

**\*Ví dụ:** Ngày 17/12/2010, Nhân viên Lương Thị Bình đi mua một số văn phòng phẩm theo hóa đơn 0006739 với số tiền 340.450đ (chưa thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

*Quy trình hạch toán:*

- Căn cứ vào hóa đơn 0006739 (Biểu 2.8), kế toán lập Phiếu chi PC60/12 (Biểu 2.9)

- Căn cứ vào phiếu chi PC60/12, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.10), Sổ Cái TK 642 (Biểu 2.11)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8:

<b>HOÁ ĐƠN</b>	Mẫu số: 01 GTKT- 3LL				
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	AB/2010B				
Liên 2: Giao khách hàng	0006739				
Ngày 17 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: <i>Doanh nghiệp tư nhân văn phòng phẩm Minh Ngọc</i> .....					
Địa chỉ: <i>237 Phủ Thượng Đoạn, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng</i> .....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MST..... <i>0200664593</i> .....					
Họ tên người mua hàng: <i>...Lương Thị Bình</i> .....					
Tên đơn vị: <i>..... Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh</i> .....					
Địa chỉ: <i>Số 9A Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng</i> .....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: <i>.....TM</i> .....MST..... <i>0200592970</i> .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Bút bi Bến Nghé	Hộp	02	49.000	98.000
2	Kẹp số	Cái	04	28.000	112.000
3	Bút xóa	Cái	05	12.500	62.500
4	Sổ tổng hợp	Quyển	02	18.500	37.000
Cộng tiền hàng					309.500
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		30.950	
Tổng cộng tiền thanh toán					340.450
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.9:

Đơn vị: **Công ty CPTM Quang Linh**

Mẫu số: **02 – TT**

Địa chỉ: **Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP** (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 12 năm 2010

Quyển số:.....

Số: PC60/12.....

Nợ TK642: 309.500

Nợ TK133: 30.950

Có TK111: 340.450

Họ tên người nhận tiền: ..*Lương Thị Bình*.....

Địa chỉ: *Phòng Kế hoạch tổng hợp*.....

Lý do chi: *Mua văn phòng phẩm*.....

Số tiền: 340.450đ. Viết bằng chữ: *Ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng* .....

Kèm theo:.....*01*.....*Chứng từ gốc*.

Ngày 17 tháng 12 năm 2010

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

<b>Trịnh Hữu Lợi</b>	<b>Vũ Tuấn Hạo</b>	<b>Mai Thu Hà</b>	<b>Lương Thị Bình</b>	<b>Ng Thùy Hương</b>
----------------------	--------------------	-------------------	-----------------------	----------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : *Ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng*./.

+Tỷ giá ngoại tệ( vàng bạc, đá quý): .....

+Số tiền quy đổi: .....



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC58/12	15/12	CP v/c phao từ Cty về tàu Mai Hoa			627	56.000	
						133	5.600	
						111		61.600
16/12	PT08/12	16/12	Thu tiền tạm ứng thừa			111	250.000	
						141		250.000
17/12	PC59/12	17/12	CP v/c phao từ tàu Vạn Thành về Cty			627	900.000	
						133	90.000	
						111		990.000
17/12	PC60/12	17/12	Mua văn phòng phẩm			642	309.500	
						133	30.950	
						111		340.450
....	...	...	...	...	...	...	....	....
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.11:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu: TK642**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
....	....	....	....	....	....	....	....	....
17/12	PC60/12	17/12	Mua văn phòng phẩm			111	309.500	
17/12	PC61/12	17/12	Tiền điện khối văn phòng			111	1.050.000	
17/12	PC62/12	17/12	Tiền nước khối văn phòng			111	55.000	
25/12	PC70/12	25/12	Tiền điện thoại ở BPVP			111	378.600	
31/12	BKH12	31/12	K/hao TSCĐ của BPVP			214	3.782.916	
31/12	BL12	31/12	Lương và trích theo lương cán bộ VP			334	44.067.240	
						338	6.016.660	
31/12	BPB12	31/12	Chi phí trả trước dài hạn			242	2.000.000	
31/12	PKT36/12	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh			911		762.433.633
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>762.433.633</b>	<b>762.433.633</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

**2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh trong năm 2010, doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

\* *Chứng từ sử dụng:*

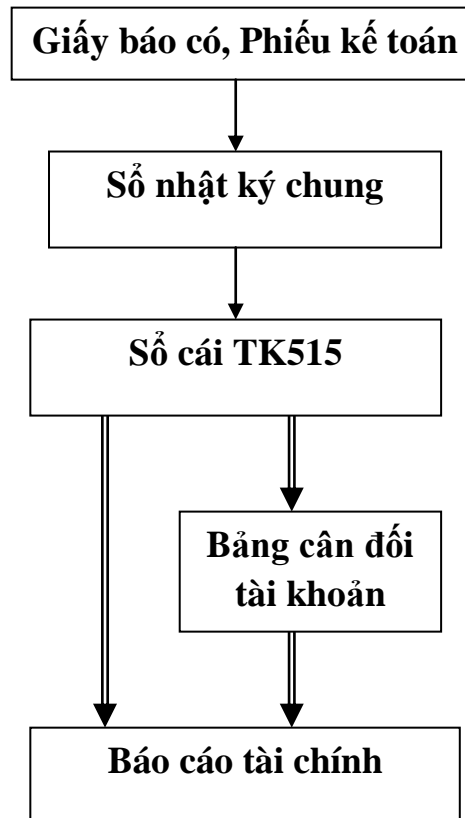
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan: Phiếu kế toán....

\* *Tài khoản sử dụng:*

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

\* *Sổ sách sử dụng:* Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK515

\* *Quy trình hạch toán*



**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CPTM Quang Linh**

**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối kỳ

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**\*Ví dụ:** Ngày 31/12/2010, ngân hàng Techcombank – Hải Phòng gửi giấy báo có cho Công ty Quang Linh về số tiền lãi nhận được của khoản tiền gửi thanh toán. Số lãi tiền gửi mà Công ty Quang Linh nhận được là 132.467đồng.

*Quy trình hạch toán*

- Căn cứ vào Giấy báo có GBC31/12 (Biểu 2.12)

+ kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.13)

+ kế toán vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.14)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12:

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
HPG – TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK

Theo công văn số 21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội

### PHIẾU BÁO CÁO

Trang 1/1

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CTY CP THƯƠNG MAI QUANG LINH  
Địa chỉ: SỐ 9A-PHUONG LUU II-ĐÔNG HAI-HAI AN-HP  
Mã số thuế: 0200592970  
Số ID Khách hàng: 20018399

Số tài khoản: 109.20018399.01.6  
Loại tiền: VND  
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN  
Số bút toán hạch toán: FT1023000417

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	132.467
<b>Tổng số tiền</b>	<b>132.467</b>

Số tiền bằng chữ: **Một trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng.**

Trích yếu: LAI TIEN GUI THANG 12/2010

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC31/12	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2010			112	132.467	
						515		132.467
31/12	PC72/12	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2010			635	2.000.000	
						111		2.000.000
31/12	PKT31/12	31/12	KC doanh thu cung cấp dvụ			511	5.086.516.448	
						911		5.086.516.448
31/12	PKT32/12	31/12	KC doanh thu HĐ tài chính			515	3.071.342	
						911		3.071.342
31/12	PKT33/12	31/12	KC CPSX sang giá vốn			632	4.253.033.817	
						621		2.625.452.806
						622		1.112.161.539
						627		515.419.472
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu: TK515**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>	<b>F</b>	<b>G</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
....	....	....	....	....	....	....	....	....
31/10	GBC31/10	31/10	Lãi tiền gửi tháng 10/2010			112		110.343
30/11	GBC30/11	30/11	Lãi tiền gửi tháng 11/2010			112		124.175
31/12	GBC31/12	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2010			112		132.467
31/12	PKT32/12	31/12	K/c doanh thu HĐ tài chính			911	3.071.342	
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>3.071.342</b>	<b>3.071.342</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

### 2.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh trong năm 2010, chi phí hoạt động tài chính là lãi vay phải trả.

\* *Chứng từ sử dụng:*

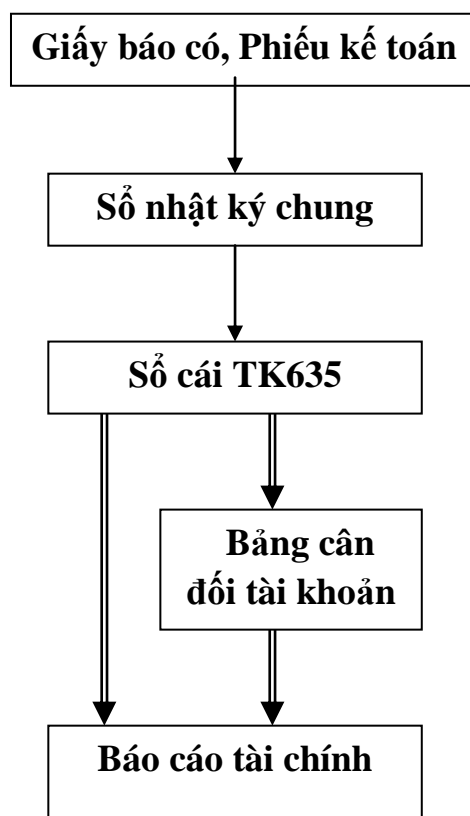
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ có liên quan: Phiếu kế toán....

\* *Tài khoản sử dụng:*

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

\* *Sổ sách sử dụng:* Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK635

\* *Quy trình hạch toán:*



**Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty CPTM Quang Linh**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ



\* **Ví dụ:** Ngày 31/12/2010, Công ty trả lãi vay dài hạn số tiền 2.000.000đồng bằng tiền mặt.

*Quy trình hạch toán*

- Căn cứ vào PC72/12 (Biểu 2.15)
- + kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.16)
- + kế toán vào Sổ cái TK635 (Biểu 2.17)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.15:

**Đơn vị: Công ty CPTM Quang Linh**

**Mẫu số: 02 – TT**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Quyển số:.....**

**Số: PC72/12.....**

**Nợ TK635: 2.000.000**

**Có TK111: 2.000.000**

Họ tên người nhận tiền: ..*Vũ Tuấn Hạo*.....

Địa chỉ: *Phòng kế toán* .....

Lý do chi: *Trả lãi tiền vay*.....

Số tiền: *2.000.000đ*. Viết bằng chữ:..... *Hai triệu đồng chẵn*.....

Kèm theo:.....*Chứng từ gốc*.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người lập phiếu</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người nhận tiền</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Thủ quỹ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---	---	---------------------------------------

<b>Trịnh Hữu Lợi</b>	<b>Vũ Tuấn Hạo</b>	<b>Mai Thu Hà</b>	<b>Vũ Tuấn Hạo</b>	<b>Ng Thùy Hương</b>
----------------------	--------------------	-------------------	--------------------	----------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : *Hai triệu đồng chẵn*./.

+Tỷ giá ngoại tệ( vàng bạc, đá quý): .....

+Số tiền quy đổi: .....

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.16:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ng, th ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ng, th					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC31/12	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2010			112	132.467	
						515		132.467
31/12	PC72/12	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2010			635	2.000.000	
						111		2.000.000
31/12	PKT31/12	31/12	KC doanh thu cung cấp dvụ			511	5.086.516.448	
						911		5.086.516.448
31/12	PKT32/12	31/12	KC doanh thu HĐ tài chính			515	3.071.342	
						911		3.071.342
31/12	PKT33/12	31/12	KC CPSX sang giá vốn			632	4.253.033.817	
						621		2.625.452.806
						622		1.112.161.539
						627		515.419.472
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.17:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tên tài khoản:** *Chi phí hoạt động tài chính*

**Số hiệu:** *TK635*

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
....	....	....	....	....	....	....	....	....
30/06	PC27/06	30/06	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 06/2010			111	2.000.000	
30/06	GBN30/06	30/06	Trả lãi tiền vay ngắn hạn NH Techcombank			112	533.000	
....	....	....	.....	....	....	....	....	....
31/10	PC30/10	31/10	Trả lãi tiền vay tháng dài hạn 10/2010			111	2.000.000	
30/11	PC29/11	30/11	Trả lãi tiền vay tháng dài hạn 11/2010			111	2.000.000	
31/12	PC72/12	31/12	Trả lãi tiền vay tháng dài hạn 12/2010			111	2.000.000	
31/12	PKT35/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911		24.533.000
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>24.533.000</b>	<b>24.533.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

### 2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác

#### 2.2.3.1 Kế toán thu nhập khác

Tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh trong năm 2010, thu nhập khác bao gồm các nội dung:

- + Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Nhận biểu tặng

\* *Chứng từ sử dụng*: Phiếu thu, Phiếu kế toán

\* *Tài khoản sử dụng*: TK 711

\* *Sổ sách sử dụng*: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711

#### 2.2.3.2 Kế toán chi phí khác

Tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh trong năm 2010, chi phí khác bao gồm các nội dung:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Giá trị còn lại TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán

\* *Chứng từ sử dụng*: Phiếu chi, Phiếu kế toán

\* *Tài khoản sử dụng*: TK 811

\* *Sổ sách sử dụng*: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811

\* **Ví dụ**: Ngày 02/07/2010, Công ty tiến hành thanh lý một **máy cầu dòng dọc** có nguyên giá là 11.041.000VNĐ, được đưa vào sử dụng từ tháng 01/06/2006, thời gian khấu hao là 5 năm. Tại thời điểm thanh lý, giá trị hao mòn của máy là 9.016.833VNĐ, giá trị còn lại của máy là 2.024.167VNĐ. Công ty đã bán lại cho Công ty TNHH Hà Vi với giá bán 2.000.000VNĐ, VAT 10%, Công ty Hà Vi đã thanh toán ngay bằng tiền mặt

*Quy trình hạch toán:*

- Kế toán viết HĐ07721 (Biểu 2.18), lập phiếu thu số PT01/07 (Biểu 2.19), Kế toán lập PKT01/07 (Biểu 2.20)
- Căn cứ vào PT01/07, PKT01/07 Kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.21)
- Căn cứ vào PKT01/07, Kế toán vào sổ cái TK 811 (Biểu 2.22)
- Căn cứ vào HĐ07721, PT01/07 Kế toán vào sổ cái TK 711 (Biểu 2.23)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.18:

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 02 tháng 07 năm 2010	Mẫu số: 01 GTKT- 3LL RN/2010B 0007721				
Đơn vị bán hàng: <i>Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh</i> .....					
Địa chỉ: <i>Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng</i> .....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MST..... <i>0200592970</i> .....					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: ..... <i>Công ty TNHH Hà Vi</i> .....					
Địa chỉ: <i>Số 15/261 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng</i> .....					
Số tài khoản.....					
Hình thức thanh toán:..... <i>TM</i> .....MST..... <i>0200288138</i> .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Máy cầu dòng dọc	Cái	01	2.000.000	2.000.000
Cộng tiền hàng					2.000.000
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT		200.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					2.200.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn</i>					

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.19:

Đơn vị: **Công ty CPTM Quang Linh**

**Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải,  
Hải An, HP**

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 07 năm 2010

Quyển số:.....

Số: PT01/07.....

Nợ TK111: 2.200.000

Có TK711: 2.000.000

Có TK3331: 200.000

Họ tên người nộp tiền: .. *Lương Thị Hà*.....

Địa chỉ: *Công ty TNHH Hà Vi* .....

Lý do thu: *Thanh toán tiền mua máy cầu dòng dọc*.....

Số tiền: *2.200.000đ. Viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./*.....

Kèm theo:.....*01*.....Chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 07 năm 2010

<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người lập phiếu</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người nộp tiền</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Thủ quỹ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---	--	---------------------------------------

<b>Trịnh Hữu Lợi</b>	<b>Vũ Tuấn Hạo</b>	<b>Mai Thu Hà</b>	<b>Lương Thị Hà</b>	<b>Ng Thùy Hương</b>
----------------------	--------------------	-------------------	---------------------	----------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : *Hai triệu hai trăm nghìn đồng./*.

+Tỷ giá ngoại tệ( vàng bạc, đá quý): .....

+Số tiền quy đổi: .....

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.20:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 01/07

Ngày 02 tháng 07 năm 2010

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Xóa sổ máy cầu dòng đọc	214	211	9.016.833
		811	211	2.024.167
	<b>Cộng</b>			<b>11.041.000</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 02 tháng 07 năm 2010

**Kế toán trưởng**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.21:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/07	PC01/07	01/07	Gửi tiền vào tài khoản ngân hàng			112	150.000.000	
						111		150.000.000
02/07	PKT01/07	02/07	Xóa sổ máy cầu dòng dọc			214	9.016.833	
						811	2.024.167	
						211		11.041.000
02/07	PT01/07	02/07	Thanh lý máy cầu dòng dọc			111	2.200.000	
						711		2.000.000
						3331		200.000
02/07	PC02/07	02/07	Mua văn phòng phẩm			642	125.000	
						133	12.500	
						111		137.500
....	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung**  
**Lớp: QT 1104K**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.22:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tên tài khoản: Chi phí khác**

**Số hiệu: TK 811**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
02/07	PKT01/07	02/07	Thanh lý máy cầu dòng dọc			211	2.024.167	
31/12	PKT38/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác			911		2.024.167
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>2.024.167</b>	<b>2.024.167</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

**Năm 2010**

**Tên tài khoản: Thu nhập khác**

**Số hiệu: TK 711**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
02/07	PT01/07	02/07	Thanh lý máy cầu dòng dọc			111		2.000.000
30/07	PKT29/07	30/07	Cty An Linh tặng quạt			153		3.124.167
31/12	PKT37/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			911	5.124.167	
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>5.124.167</b>	<b>5.124.167</b>

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

### 2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

- TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 821, TK 911, TK 421

**Ví dụ:** Tính thuế TNDN phải nộp và xác định kết quả kinh doanh trong năm 2010

**Ngày 31/12/2010**

*\* Tính kết quả hoạt động kinh doanh:*

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận hoạt động kinh doanh} &= \text{Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} \\ &= 71.048.998 + (-21.461.658) \\ &= 49.587.340đ \end{aligned}$$

*+Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận HĐSXKD} &= \text{Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí QLDN} \\ &= 5.086.516.448 - 4.253.033.817 - 762.433.633 \\ &= 71.048.998đ \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV} &= \text{Doanh thu về BH và cung cấp DV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 5.086.516.448 - 0 \\ &= 5.086.516.448đ \end{aligned}$$

*+Kết quả hoạt động tài chính:*

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} &= \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} \\ &= 3.071.342 - 24.533.000 \\ &= -21.461.658đ \end{aligned}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

*\* Tính kết quả hoạt động khác :*

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ &= 5.124.167 - 2.024.167 \\ &= 3.100.000đ \end{aligned}$$

*\* Tính lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp*

$$\begin{aligned} \text{Tổng LN kế toán} &= \text{Lợi nhuận hoạt động} + \text{Lợi nhuận} \\ \text{trước thuế} & \quad \text{kinh doanh} \quad \quad \text{khác} \\ &= 49.587.340 + 3.100.000 \\ &= 52.687.340đ \end{aligned}$$

*\* Tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

$$\begin{aligned} + \text{Chi phí thuế TNDN hiện hành} &= \text{Tổng LN kế toán trước thuế} \times 25\% \\ &= 52.687.340 \times 25\% \\ &= 13.171.835đ \end{aligned}$$

*\* Tính lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế} &= \text{Tổng LN kế toán} - \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} & \quad \text{trước thuế} \quad \quad \text{TNDN} \\ &= 52.687.340 - 13.171.835 \\ &= 39.515.505đ \end{aligned}$$

Ngày 31/12/2010,

- + Kế toán lập PKT31/12: Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ (Biểu 2.24)
- + Kế toán lập PKT32/12: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính (Biểu 2.25)
- + Kế toán lập PKT34/12: Kết chuyển giá vốn hàng bán (Biểu 2.26)
- + Kế toán lập PKT35/12: Kết chuyển chi phí tài chính (Biểu 2.27)
- + Kế toán lập PKT36/12: Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (Biểu 2.28)
- + Kế toán lập PKT37/12: Kết chuyển thu nhập khác (Biểu 2.29)
- + Kế toán lập PKT38/12: Kết chuyển chi phí khác (Biểu 2.30)
- + Kế toán lập PKT39/12: Xác định thuế TNDN phải nộp (Biểu 2.31)
- + Kế toán lập PKT40/12: Kết chuyển chi phí thuế TNDN (Biểu 2.32)
- + Kế toán lập PKT41/12: Kết chuyển lãi sau thuế TNDN (Biểu 2.33)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.24:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 31/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	KC doanh thu BH và cc vụ	511	911	5.086.516.448
	<b>Cộng</b>			<b>5.086.516.448</b>

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Biểu 2.25:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 32/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	KC doanh thu HĐ tài chính	515	911	3.071.342
	<b>Cộng</b>			<b>3.071.342</b>

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Biểu 2.26:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 34/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	KC giá vốn hàng bán	911	632	4.253.033.817
	<b>Cộng</b>			<b>4.253.033.817</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.27:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 35/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	KC chi phí tài chính	911	635	24.533.000
	<b>Cộng</b>			<b>24.533.000</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.28:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 36/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	KC chi phí quản lý kinh doanh	911	642	762.433.633
	<b>Cộng</b>			<b>762.433.633</b>

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.29:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 37/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	KC thu nhập hoạt động khác	711	911	5.124.167
	<b>Cộng</b>			<b>5.124.167</b>

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.30:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 38/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	KC chi phí khác	911	811	2.024.167
	<b>Cộng</b>			<b>2.024.167</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.31:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 39/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Xác định thuế TNDN năm 2010	821	3334	13.171.835
	<b>Cộng</b>			<b>13.171.835</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu 2.31:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 40/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí thuế TNDN năm 2010	911	821	13.171.835
	<b>Cộng</b>			<b>13.171.835</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.33:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 41/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi sau thuế TNDN	911	421	39.515.505
	<b>Cộng</b>			<b>39.515.505</b>

**Người lập phiếu**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

*Căn cứ vào các Phiếu kế toán PKT31/12, PKT32/12, PKT34/12, PKT35/12, PKT36/12, PKT37/12, PKT38/12, PKT39/12, PKT40/12, PKT41/12, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.34), Sổ Cái TK911 (Biểu 2.35), Sổ Cái TK821 (Biểu 2.36), Sổ Cái TK421 (Biểu 2.37),*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.34:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
....	....	....	....	....	....	....	....	....
31/12	GBC31/12	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2010			112	132.467	
						515		132.467
31/12	PC72/12	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2010			635	2.000.000	
						111		2.000.000
31/12	PKT31/12	31/12	KC doanh thu cung cấp dvụ			511	5.086.516.448	
						911		5.086.516.448
31/12	PKT32/12	31/12	KC doanh thu HĐ tài chính			515	3.071.342	
						911		3.071.342
31/12	PKT33/12	31/12	KC CPSX sang giá vốn			632	4.253.033.817	

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

						621		2.625.452.806
						622		1.112.161.539
						627		515.419.472
31/12	PKT34/12	31/12	KC giá vốn hàng bán			911	4.253.033.817	
						632		4.253.033.817
31/12	PKT35/12	31/12	KC chi phí tài chính			911	24.533.000	
						635		24.533.000
31/12	PKT36/12	31/12	KC chi phí quản lý kinh doanh			911	762.433.633	
						642		762.433.633
31/12	PKT37/12	31/12	KC thu nhập hoạt động khác			711	5.124.167	
						911		5.124.167
31/12	PKT38/12	31/12	KC chi phí khác			911	2.024.167	
						811		2.024.167
31/12	PKT39/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp			821	13.171.835	
						3334		13.171.835
31/12	PKT40/12	31/12	KC chi phí thuế TNDN			911	13.171.835	
						821		13.171.835
31/12	PKT41/12	31/12	Kết chuyển lãi sau thuế TNDN			911	39.515.505	
						421		39.515.505
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>				<b>48.390.577.791</b>	<b>48.390.577.791</b>

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.35:

CÔNG TY CPTM QUANG LINH

Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: *Xác định kết quả kinh doanh*

Số hiệu: *TK911*

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp d.vụ			511		5.086.516.448
31/12	PKT32/12	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính			515		3.071.342
31/12	PKT34/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	4.253.033.817	
31/12	PKT35/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			635	24.533.000	
31/12	PKT36/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN			642	762.433.633	
31/12	PKT37/12	31/12	Kết chuyển thu nhập hoạt động khác			711		5.124.167
31/12	PKT38/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác			811	2.024.167	
31/12	PKT40/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	13.171.835	
31/12	PKT41/12	31/12	Kết chuyển lãi sau thuế TNDN			421	39.515.505	
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>5.094.711.957</b>	<b>5.094.711.957</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ  
(Ký ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký ghi rõ họ tên)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Biểu 2.36:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Mẫu số S03b-DN**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Năm 2010**

**Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN hiện hành**

**Số hiệu: TK 821**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>	<b>F</b>	<b>G</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
31/12	PKT39/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp			3334	13.171.835	
31/12	PKT40/12	31/12	K/C chi phí thuế TNDN			911		13.171.835
			<b>Cộng số phát sinh trong năm</b>				<b>13.171.835</b>	<b>13.171.835</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.37:

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**

**Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP**

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

**Số hiệu: TK421**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Số dư đầu kỳ					<b>12.515.176</b>
31/12	PKT41/12	31/12	Kết chuyển lãi sau thuế TNDN			911		39.515.505
			<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>39.515.505</b>
			Số dư cuối kỳ					<b>52.030.681</b>

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)



**CHƯƠNG 3**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

**3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI  
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

**3.1.1. Kết quả đạt được**

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh cũng đã đạt được một số kết quả nhất định trong tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng:

**3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, luôn đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên trong bộ máy kế toán rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn của từng nhân viên.

Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, say mê trong công việc. Hơn nữa, họ là những người đã gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, đã thuần thục các quy trình kế toán trong Công ty, am hiểu về chế độ, chính sách kế toán, có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, luôn đáp ứng tốt yêu cầu kế toán của Công ty.

Bên cạnh đó, mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên kế toán trong phòng kế toán đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế

toán và đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu. Vì vậy, công tác tổ chức kế toán tại Công ty giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

### ***3.1.1.2. Về hình thức kế toán***

Hình thức kế toán Nhật ký chung được Công ty áp dụng hiệu quả.

Hình thức kế toán Nhật ký chung phù hợp với sự am hiểu, trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tế của các nhân viên kế toán trong Công ty.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Vì thế mà khi sử dụng hình thức Nhật ký chung, việc kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sẽ dễ dàng, thuận tiện hơn.

### ***3.1.1.3. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- Về chứng từ sử dụng: các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản, sổ sách sử dụng: công ty sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản, sổ sách kế toán trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, chính xác và đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh vẫn còn có những hạn chế nhất định:

#### ***3.1.2.1. Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán***

Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh chưa áp dụng chính sách Chiết khấu thanh toán, dù khách hàng có thanh toán sớm hay thanh toán chậm vẫn giữ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nguyên giá thanh toán nên khách hàng thường chậm thanh toán. Vì vậy, nhằm đảm bảo việc lưu chuyển tiền tệ, đảm bảo lượng vốn kinh doanh của Công ty được ổn định, Công ty nên áp dụng chính sách Chiết khấu thanh toán.

### 3.1.2.2. Công ty chưa lập dự phòng phải thu khó đòi

#### CÔNG TY CPTM QUANG LINH

Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu, Đông Hải, Hải An, HP

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2010

STT	Tên khách hàng	Công nợ đến hết ngày 31/12/2010		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Cty CP vận tải biển An Bình	135.660.000		Phát sinh 30/08/2009, Hạn thanh toán 30/02/2010, không thu hồi được vì Cty đã phá sản
2	Cty CP vận tải biển Tùng Hương	42.350.000		Phát sinh 05/02/2010, Hạn thanh toán 05/05/1010, quá hạn 7tháng, Cty Tùng Hương chưa thanh toán
3	Công ty TNHH Thanh Tùng	31.375.000		Phát sinh 27/03/2010, Hạn thanh toán 27/06/1010, quá hạn 6 tháng, Cty Thanh Tùng chưa thanh toán
4	Công ty TNHH Hoàng Trường	17.700.000		Phát sinh 29/08/2010, Hạn thanh toán 29/11/2010, quá hạn 1 tháng, chưa thanh toán
5	Công ty TNHH An Thịnh	16.500.000		Phát sinh 20/10/2010, Hạn thanh toán 20/01/2011
...	...	...	...	....
<b>Cộng</b>		<b>1.515.960.873</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Dựa vào báo cáo trên thì Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh cần lập dự phòng phải thu khó đòi trong năm 2010:

- Khoản nợ 138.160.000đồng của Công ty Cổ phần vận tải biển An Bình có hạn thanh toán 30/02/1010 đã quá hạn 10 tháng. Nhưng do Công ty CPVTB An Bình đã tuyên bố phá sản, pháp luật đã tiến hành thanh lý tài sản, thanh toán các khoản nợ theo tỷ lệ quy định và Công ty đã được thanh toán 2.500.000đồng, số tiền không còn khả năng thu hồi của Công ty Cổ phần vận tải biển An Bình là 135.660.000đồng.

- Khoản nợ 42.350.000đồng của Công ty vận tải biển Tùng Hương phát sinh ngày 05/02/2010, hạn thanh toán 05/05/1010, đã quá hạn 7 tháng nhưng Công ty vận tải biển Tùng Hương chưa thanh toán.

- Khoản nợ 31.375.000đồng của Công ty TNHH Thanh Tùng phát sinh ngày 27/03/2010, hạn thanh toán 27/06/1010, đã quá hạn 6 tháng nhưng Công ty TNHH Thanh Tùng chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh có nhiều khoản nợ khó thu hồi được nhưng Công ty không tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng như không tiến hành xóa sổ. Việc không trích lập dự phòng phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính của Công ty trong tương lai do Công ty không thu hồi được nợ.

### ***3.1.2.3. Công ty chưa lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642***

Công ty không tiến hành mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 dẫn đến Công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục nằm trong TK642 như: Chi phí nhân viên quản lý, Chi phí vật liệu quản lý, Chi phí đồ dùng văn phòng, Chi phí khấu hao TSCĐ, Thuế, phí, lệ phí, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác.

### ***3.1.2.4. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán máy vào tổ chức công tác kế toán***

Công ty Cổ phần thương mại Quang là một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì phao cứu sinh, bình cứu hỏa, trong một tháng có nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành trên Excel, đòi hỏi nhân viên kế toán trong ty phải luôn cẩn thận, tập trung, mất nhiều thời gian cho việc vào sổ sách, tính toán sổ sách, lên báo cáo tài chính...

Hiện nay, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, kèm theo đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều của các loại phần mềm kế toán khác nhau phù hợp với đặc điểm, hình thức kinh doanh của từng công ty. Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- *Ít tốn thời gian*: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in ra.

- *Chính xác*: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.

- *Dễ sử dụng*: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.

- *Phát triển theo công ty*: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Do vậy công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào trong công tác kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

### **3.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần các thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình lãi, lỗ của doanh nghiệp mình để từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra các biện pháp nhằm phát huy những thế mạnh cũng như giải quyết, khắc phục các vấn đề chưa tốt nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này thường được doanh nghiệp lấy từ phòng kế toán, do vậy, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng, cần phải được quan tâm.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh chưa được hoàn thiện, thông tin về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của Công ty chưa chi tiết, kịp thời nên đã gây khó khăn cho công tác quản lý của Công ty. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cần phải được hoàn thiện hơn nữa nhằm giúp cho nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của Công ty tốt hay xấu, có đạt được kế hoạch đề ra hay không, đề ra các biện pháp nhằm tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận; nhằm thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư; tạo lập sự tin tưởng của các tổ chức, cá nhân tín dụng; thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

### **3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH**

#### ***3.3.1. Giải pháp sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán***

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Công ty nên có chính sách khuyến khích khách hàng với chính sách chiết khấu thanh toán. Chính sách chiết khấu thanh toán sẽ khuyến khích khách hàng

thanh toán trước hạn, từ đó giúp công ty có khả năng thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động kinh doanh và hạn chế được các khoản đi vay của công ty.

Khi xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán, công ty cần phải lưu ý một số điểm sau:

- Khoản chiết khấu thanh toán nên áp dụng với khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước hạn quy định

- Khoản chiết khấu thanh toán không được ghi giảm giá trên hóa đơn bán hàng. Đây là một khoản chi phí tài chính công ty chấp nhận chi cho khách hàng.

- Khoản chiết khấu thanh toán được tính dựa trên tổng giá thanh toán.

- Căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, tình hình trả nợ trước thời hạn của khách hàng và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng mà công ty có thể đưa những tỷ lệ phần trăm chiết khấu phù hợp.

- Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của 1 số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô, tương đồng về đối tượng khách hàng để xây dựng lên chính sách chiết khấu thanh toán có sức cạnh tranh.

- Tỷ lệ chiết khấu thanh toán không nên quá lớn vì nó làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, cũng không quá nhỏ khiến không thể kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.

- Khi áp dụng 1 tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận nên công ty cũng cần xem xét chi phí khoản phải thu có bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không?

*Phương pháp kế toán*

+ Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán cho khách hàng, kế toán hạch toán:

Nợ TK635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

+ Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

### 3.3.2. Giải pháp trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu không thu được khi khách hàng không có khả năng chi trả.

#### ❖ *Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:*

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết nợ.
- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng các đối tượng phải thu đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

#### ❖ *Mức trích lập:* (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng các đối tượng phải thu đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

#### ❖ *Phương pháp xác định:*

Căn cứ vào sổ sách hạch toán chi tiết các khoản phải thu của khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn thanh toán được xếp loại vào khách hàng khó đòi hoặc bị nghi ngờ khó đòi, Công ty cần thông báo cho khách hàng về khoản nợ đã quá hạn và trên cơ sở thông tin phản hồi lại của khách hàng hoặc công ty xác minh được để Công ty xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng không thu hồi được:



Dự phòng phải thu khó đòi = Nợ phải thu khó đòi x Số % có khả năng không thu hồi được

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK139 – Dự phòng phải thu khó đòi

❖ **Phương pháp hạch toán:**

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK642:

Có TK139:

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK139:

Có TK642:

- Xóa nợ:

+ Nếu đã trích lập dự phòng:

Nợ TK 139:

Có TK131:

Có TK138:

+ Nếu chưa trích lập dự phòng:

Nợ TK 642:

Có TK131:

Có TK138:

+ Đồng thời ghi Nợ TK004:

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK111, 112...

Có TK711

**Ví dụ:** Giả sử ngày 31/12/2010 kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản nợ phải thu:

- Tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2010:

$$42.350.000 \times 30\% + 31.375.000 \times 30\% = 22.117.500 \text{đồng}$$

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 22.117.500

Có TK 139 : 22.117.500

Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không thể thu hồi cần xử lý vào chi phí:

- Tổng nợ phải thu hồi không thể thu hồi năm 2010 là: 135.660.000đ

- Kế toán định khoản:

Nợ TK642 : 135.660.000

Có TK131 : 135.660.000

Nợ TK004 : 135.660.000

### **3.3.3. Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642**

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 dùng để theo dõi cụ thể các khoản mục nằm trong TK642 như: Chi phí nhân viên quản lý, Chi phí vật liệu quản lý, Chi phí đồ dùng văn phòng, Chi phí khấu hao TSCĐ, Thuế, phí, lệ phí, Chi phí dự phòng, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác

Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 giúp Công ty xem xét và tìm ra nguyên nhân gây ra những biến động lớn của các khoản mục chi phí so với kỳ trước đó, đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do các khoản chi phí này để có các biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Sau đây em xin lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh như sau:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CPTM QUANG LINH**  
Địa chỉ: Số 9A, Phương Lưu II, Đông Hải, Hải An, HP

Mẫu số S35-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

TK 642 - Chi phí kinh doanh  
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ Tài Khoản									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
						Nhân viên quản lý	Vật liệu quản lý	Đồ dùng văn phòng	Khấu hao TSCĐ	Thuế, phí, lệ phí	CP dự phòng	Dịch vụ mua ngoài	CP bằng tiền khác	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
17/12	PC61/12	17/12	Tiền điện khối văn phòng	111	1.050.000							1.050.000		
17/12	PC62/12	17/12	Tiền nước khối văn phòng	111	55.000							55.000		
17/12	HĐ06739	17/12	Mua văn phòng phẩm	111	215.000		309.500							
25/12	PC70/12	25/12	Tiền điện thoại ở BPVP	111	378.600							378.600		
31/12	BKH12	31/12	K/hao ở BPVP T12	214	3.782.916				3.782.916					
31/12	BL12	31/12	Lg và trích theo lg T12	334	44.067.240	44.067.240								
				338	6.016.660	6.016.660								
31/12	BPB12	31/12	Chi phí trả trước dài hạn	242	2.000.000			2.000.000						
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>762.433.633</b>	<b>644.618.760</b>	<b>9.005.577</b>	<b>24.000.000</b>	<b>45.394.994</b>	<b>1.375.350</b>	<b>0</b>	<b>20.067.350</b>	<b>17.971.602</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập sổ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên)

### 3.3.4. Áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp mà công ty có thể lựa chọn như **Phần mềm kế toán MISA ( Phiên bản MISA SME.NET 2010)**, **Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING**, **Phần mềm kế toán METADATA ACCOUNTING ....**

#### ❖ Phần mềm kế toán MISA ( Phiên bản MISA SME.NET 2010)



- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 13 phân hệ nghiệp vụ: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp.

- Tính năng nổi bật: lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua internet...

- MISA SME.NET 2010 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp có thể dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để đề ra quyết định đúng đắn, kịp thời.

- MISA SME.NET 2010 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế

toán duy nhất thông qua Internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

### ❖ Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING



- Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

- Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 3.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

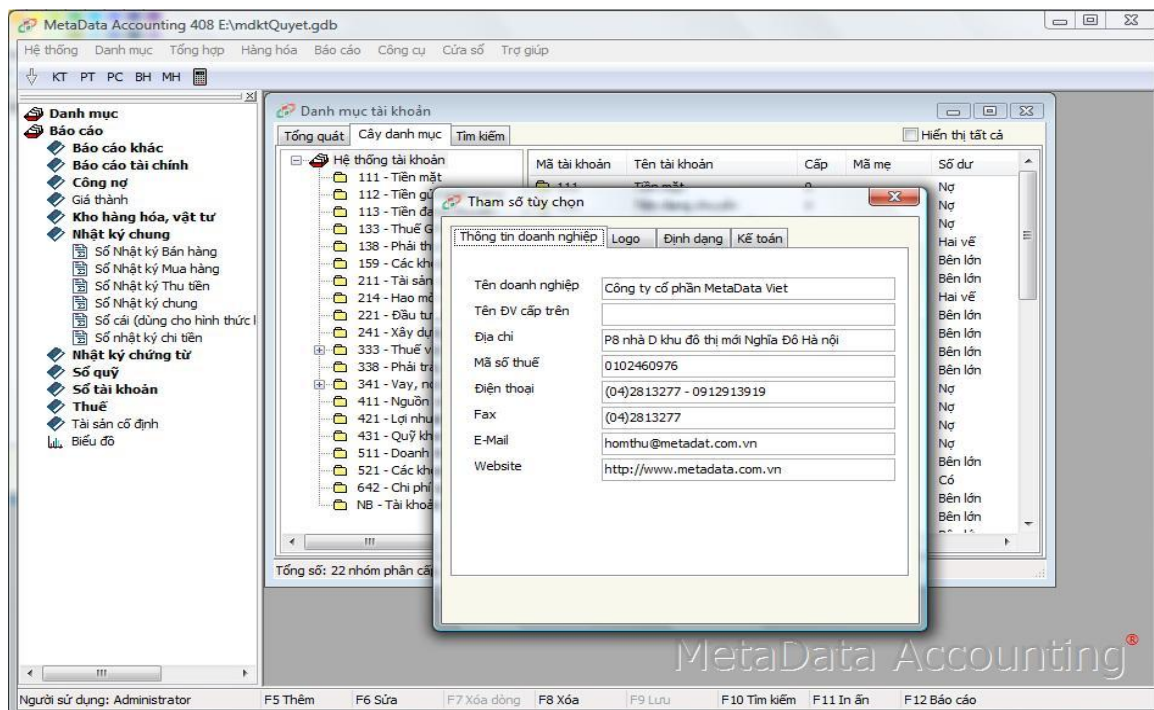
- Fast Accounting có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả.

- Fast Accounting cập nhật các sửa đổi bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính.

- Fast Accounting có giao diện và các báo cáo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh và cho phép tùy chọn theo từng người sử dụng.

- Fast Accounting có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ.

## ❖ Phần mềm kế toán METADATA ACCOUNTING



- Phần mềm kế toán máy Metadata accounting được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phân hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí “Đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của Doanh nghiệp”. Metadata được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán tài chính – Quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các loại hình doanh nghiệp: Thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

- Phần mềm kế toán máy Metadata accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh ...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

## KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tiễn em nhận thấy rằng công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là rất quan trọng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp số liệu kịp thời cho việc phân tích tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho việc quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên đây là toàn bộ nội dung khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “**Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh**”. Trong khóa luận này, với những kiến thức đã học được trong nhà trường và quá trình đi thực tập, em đã trình bày những vấn đề cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh. Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thành tốt nhất.

Cuối cùng em xin cảm ơn cô giáo – Th.s Trần Thị Thanh Phương, cùng các anh chị trong phòng kế toán của Công ty CPTM Quang Linh đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 28 tháng 06 năm 2010

*Sinh viên*

*Phạm Thị Thùy Dung*

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trường ĐH kinh tế quốc dân - Giáo trình “Lý thuyết hạch toán kế toán” - Nhà xuất bản Tài chính
2. Bộ Tài Chính - “Hệ thống tài khoản kế toán” - NXB Tài Chính 2006
3. Bộ Tài Chính - “Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán” - NXB Tài Chính 2006
4. Một số luận văn sinh viên khóa trước
5. Các tài liệu khác trên Internet.



**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>8</b>
1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	8
1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	9
1.3. NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	10
1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.3.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.3.1.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	25
1.3.1.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	29
1.3.2. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	34
1.3.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	38
1.3.3.1. Kế toán chi phí thuế TNDN: .....	38
1.3.3.2. Kế toán xác định kết hoạt động quả kinh doanh .....	40
1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	43
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	43
1.4.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	44
1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	46
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	47
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	48
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH .....</b>	<b>49</b>

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH: .....	49
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh: .....	49
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh:.....	50
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích của Công ty .....	50
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CPTM Quang Linh.....	52
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh .....	54
2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại Quang Linh: ..	54
2.1.5.2. Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty: .....	56
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH.....	59
2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh.....	59
2.2.1.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ .....	59
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	65
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	69
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	75
2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	75
2.2.2.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	80
2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác .....	85
2.2.3.1 Kế toán thu nhập khác.....	85
2.2.3.2 Kế toán chi phí khác.....	85
2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	92
<b>CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH .....</b>	<b>105</b>
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ	

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

<b>VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH.....</b>	<b>105</b>
3.1.1. Kết quả đạt được .....	105
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	105
3.1.1.2. Về hình thức kế toán .....	106
3.1.1.3. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ....	106
3.1.2. Hạn chế.....	106
3.1.2.1. Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	106
3.1.2.2. Công ty chưa lập dự phòng phải thu khó đòi .....	107
3.1.2.3. Công ty chưa lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 .....	108
3.1.2.4. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán máy vào tổ chức công tác kế toán ..	108
<b>3.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH.....</b>	<b>110</b>
<b>3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUANG LINH.....</b>	<b>110</b>
3.3.1. Giải pháp sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	110
3.3.2. Giải pháp trích lập dự phòng phải thu khó đòi .....	112
3.3.3. Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642.....	114
3.3.4. Áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán .....	116
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>119</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>120</b>